Chương 1

Khi bắt đầu lên đường
[illegible]
Hồn thương con chữ Việt
[illegible]



[illegible]





PHẦN I

A. ĐÔI NÉT VỀ THƯ PHÁP CHỮ HÁN VÀ THƯ PHÁP VIỆT

Nghệ thuật thư pháp đặc trưng của các nước phương Đông, là lối chữ viết được thể hiện bằng tinh hoa của ngọn bút lông và thỏi mực xạ. Phong cách này được khởi điểm từ Trung Hoa, sau truyền sang các nước lân cận như Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên...và Việt Nam (nói chung là các nước đồng văn).

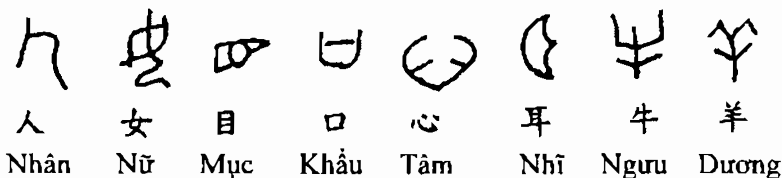
I.THƯ PHÁP HÁN

1.Nguyên tắc cấu tạo chữ Hán:

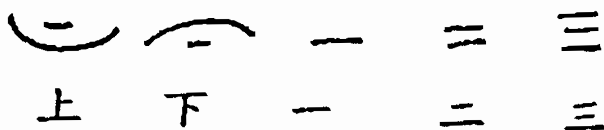
Bàn về chữ viết Trung Quốc đã được hình thành cách đây hơn 3300 năm. Khởi đầu từ Phù Hiệu, Giáp Cốt Văn, Kim Văn đến Triện, Lệ, Chân, Hành, Thảo...Chữ viết thông thường với chức năng truyền tải thông tin cũng theo quá trình phát triển đó dần trở thành một bộ môn nghệ thuật tiêu biểu đặc thù của nền văn hoá Trung Hoa nói riêng và của các nước phương Đông nói chung.

- Chữ Hán được cấu tạo bởi các 6 nguyên tắc sau:

a.Tương hình: Là nguyên tắc căn bản, dựa theo hình dạng sắc thái của sự vật, do con người quan sát được và lượt giản bớt nét ,dần tạo ra chữ viết. Số lượng chữ tượng hình chỉ chiếm một số ít trong tổng số chữ viết của Trung Hoa.

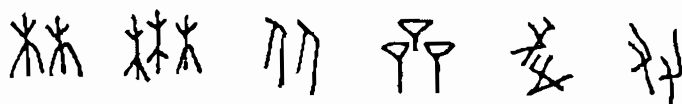


<u>b.Chỉ sự:</u> Là nguyên tắc tạo ra chữ viết dựa trên nhận thức của con người, diễn đạt những sự việc không có hình tượng, hoặc hình tượng khó diễn đạt. Chữ chỉ sự dùng để chỉ tính chất của sự việc qua một dạng phù hiệu và dạng phù hiệu này khái quát được sự vật cần diễn đạt một cách đơn giản nhất.



Chữ Thượng   Chữ Hạ   các số thứ tự một hai ba

<u>c.Hội ý:</u> Là nguyên tắc kết hợp ý của hai hoặc nhiều chữ khác nhau tạo thành một chữ mang ý nghĩa mới.



林 森 從 品 步 友

Lâm   Sâm   Tòng   Phẩm   Bộ   Hữu

<u>d.Hình thanh:</u> Chữ hình thanh là chữ vừa tạo từ hình tượng vừa có thanh âm, lấy sự làm tên, dùng thanh để phát âm.





Chữ Đồng   Chữ Lộ

Chữ Đồng (Kim loại) gồm "Kim" là sự, "Đồng" là thanh. Chữ Lộ (hạt sương, hơi nước) gồm chữ "Vũ" (mưa) là sự, "lộ" là thanh.

e.Chuyển chú: Là loại chữ mang chức năng chú thích, thuyết minh những chữ có nhiều tự dạng khác nhau mà có nghĩa giống nhau. Chữ này thường được dùng để đối chiếu chữ ở các vùng khác nhau đôi khi có nghĩa hoặc âm tương đồng.

f. Giả tá: Là chữ lấy từ chữ đã có sẵn và thêm vào đó một nghĩa mới.


Chữ Chủ


Chữ Tân


Chữ Kỳ

2.Năm thư thể chính của thư pháp Hán

Thư pháp Hán được chia làm năm thể chữ chính: TRIỆN, LỆ, CHÂN, HÀNH, THẢO.

a.Triện thư: Là thể loại chữ viết có từ rất sớm của Trung Hoa, có hai loại Đại Triện và Tiểu Triện. Lối chữ này có tuyến điệu nhịp nhàng, kết cấu đơn giản, các nét rất thanh, bố cục chữ cao và ốm. Trong mỗi nét được viết đều nhau từ điểm khởi đầu đến điểm kết thúc. Ngày nay lối chữ Triện ít được phổ biến nhưng vẫn được sử dụng bởi những người am hiểu, viết thư pháp hoặc khắc ấn chương...

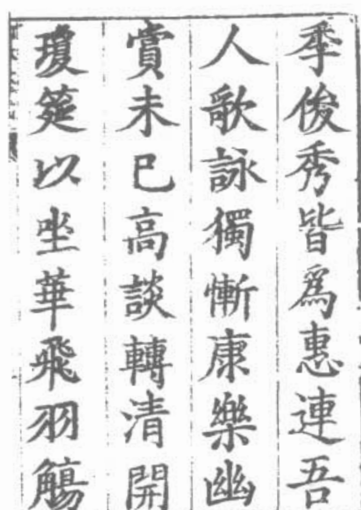

Triện thư

b.Lệ thư: Là sự phát triển của Triện thư, giản lược bớt các chi tiết rườm rà và tạo điểm nhấn cho đường nét của chữ thêm sinh động. Theo lối này chữ được mở rộng thêm về chiều ngang, trong một nét hầu hết điểm đầu thường được viết mỏng hơn và dần to ra ở điểm cuối. Biến nét bút tròn từ Triện thư thành nét bút vuông, những nét liên tục được chia ra thành nét đứt đoạn.



Lệ thư

c. Khải thư: Còn gọi là Chân thư, là kiểu chữ phổ biến và thông dụng nhất của Trung Hoa. Được xem là bộ chữ chuẩn mực, dùng nhiều trong các lĩnh vực in ấn, quảng cáo cũng như dành cho những người mới học chữ Hán. Chữ được bố cục ngay ngắn theo dạng hình vuông, có phát triển thêm nhiều nét so với Lệ thư. Từng nét chữ hay từng dấu chấm được viết và sắp xếp rõ ràng nghiêm túc theo quy cách.



Khải thư

d. Hành thư: Là kiểu chữ viết với những nét biến tấu hơn, được hiểu là lối viết chữ nhanh. Nét này và nét kia trong mỗi chữ được viết liên tục với nhau, ngọn bút hạn chế nhấc lên khỏi mặt giấy. Nét bút khởi đầu lớn sau đó nhỏ dần, tiết tấu nhanh và mạnh, đôi khi có lượt bỏ bớt nét. Hành thư có đường nét rất phóng khoáng nhưng dễ đọc hơn Thảo thư và bố cục chữ tròn trịa ít góc cạnh hơn Khải thư.

Hành thư

e. Thảo thư: Là lối chữ viết thiên nhiều về cảm hứng, nét chữ được viết qua loa sơ lược, chỉ nêu lên đại ý của văn tự, còn gọi là ý bút. Các nét được viết lưu loát, tốc độ nhanh chóng, nét này được nối với nét kia và bút được hạn chế nhấc lên khỏi mặt giấy tối đa, tạo sự liên hoàn từ các bộ của chữ, có khi còn liên kết cả nhiều chữ lại với nhau, nhiều nét chấm liên kết thành một vạch. Vì vậy nếu không quen nhiều người sẽ khó đọc loại chữ này.

Thảo thư

Lịch sử thư pháp Trung Hoa đã có trên 2000 năm phát triển nên đã đạt đến nhiều đỉnh cao trong nghệ thuật, hệ thống lý luận phê bình, cũng như phong cách, chất liệu và sự tinh xảo của các công cụ như bút, nghiên, giấy, mực…

II THƯ PHÁP VIỆT

1.Quá trình hình hành chữ quốc ngữ:

Thư pháp Việt Nam là một bộ môn nghệ thuật sinh sau đẻ muộn, mang tính kế thừa. Do quá trình lịch sử bị đô hộ hơn 1000 năm bởi Trung Hoa. Chữ Hán cũng như nghệ thuật thư pháp đã du nhập vào trong nước và trở thành một nếp văn hoá không thể thiếu của người dân Việt. Do không muốn bị Trung Hoa đô hộ mãi về chính trị, văn hóa…Nên ông cha ta đã nghĩ ra cách thêm nét vào những chữ Hán có sẵn để tạo ra một lối chữ riêng cho dân tộc được gọi là chữ Nôm (ra đời sau thế kỉ thứ 10). Vì thế một thời thư pháp của Việt Nam là thư pháp Hán Nôm cũng sử dụng bút lông và mực xạ làm công cụ chủ đạo. Nghệ thuật này đến ngày nay vẫn còn ảnh hưởng mặc dù đã bị lu mờ. Lý do chữ Hán vốn đã khó học, nay lại thêm nét vào chữ Hán để tạo ra chữ Nôm, vì thế chữ

征婦吟

鄧陳琨

1. 天地風塵
紅顏多屯
悠悠彼蒼兮誰造因

Chinh phụ ngâm

Thiên địa phong trần	Thuở Trời Đất thổi cơn gió bụi
Hồng nhan đa truân	Khách má hồng nhiều nổi truân chiên
Du du bỉ thương hề	Xanh kia thăm thẳm tầng trên
Thùy tạo nhân	Vì ai gây dựng cho nên nổi này

Chữ Nôm

Nôm lại càng khó học hơn. Chữ Nôm ít được phổ biến rộng rãi trong quần chúng, chỉ những giới trí thức, quan lại may ra mới sử dụng được.


Alexandre Rhodes

Đến thế kỉ thứ 17, với mục đích du nhập đạo Thiên chúa vào Việt Nam, các giáo sĩ người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha cộng thêm sự giúp đỡ của các giáo sĩ người Việt đã Latinh hóa chữ viết để dễ dàng truyền giáo.

Năm 1624 một linh mục người Pháp tên Alexandre Rhodes cho xuất bản cuốn tự điển Việt Bồ La, cuốn tự điển này dùng các mẫu tự Latinh(A,B,C…) và cộng thêm một số dấu để viết tiếng Việt. Đến năm 1773 một linh mục người Pháp khác tên Pigneau de Béhain bổ sung cuốn tự điển đối chiếu Hoa Việt La. Sau đó mãi đến năm 1832 mới được hoàn thiện bởi giám mục Tabert cùng một số người Việt khác. Lối viết này được phổ biến rộng rãi và đã trở thành chữ Quốc ngữ đến ngày hôm nay.

Sau một thời gian vắng bóng những ông đồ cho chữ, có thể vì lý do khách quan là chiến tranh và đất nước vẫn chưa ổn định về mặt chính trị và kinh tế, chữ viết lại hoàn toàn thay đổi. Nhưng ngày nay một lối viết chữ thư pháp khác cũng sử dụng bút lông và mực xạ làm phương tiện chủ đạo nhưng lại thể hiện chữ quốc ngữ với các mẫu tự Latinh ra đời trở thành nghệ thuật thư pháp đương đại của Việt Nam.

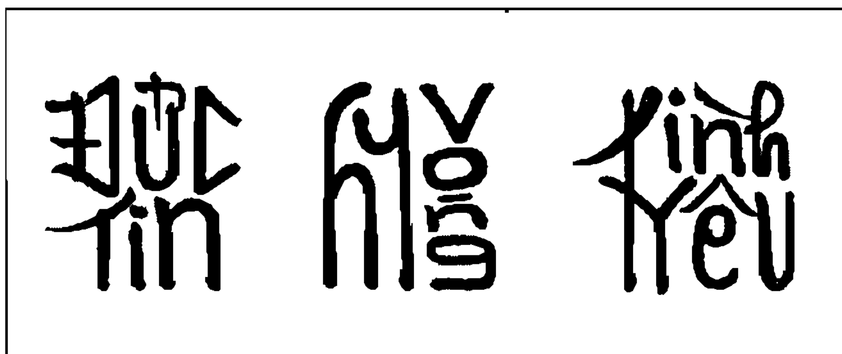
Mang tính kế thừa và phát huy những tinh hoa từ nền thư pháp Hán Nôm của dân tộc.

2. Năm thư thể chính của thư pháp Việt.

Theo chúng tôi, nghệ thuật thư pháp đương đại Việt Nam có thể được chia ra làm năm thể loại chính như sau:

ĐIỀN THỂ, THUỶ THỂ, MỘC THỂ, PHONG THỂ VÀ BIẾN THỂ:

a. Điền thể: Là lối chữ mô phỏng theo chữ viết Trung Hoa, xuất hiện từ thời chữ quốc ngữ bắt đầu phổ biến và được dùng nhiều trong việc trang trí các đền chùa và miếu… Chữ được viết có sắp xếp gọn trong bố cục hình vuông hay tròn và phân bố theo chiều dọc và ngang đều như những thửa ruộng (theo phong cách chữ Hán).



Điền thể

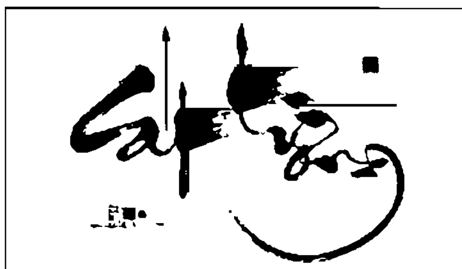
b. Thủy thể: Đây cũng là một dạng chữ mô phỏng theo chữ Trung Hoa, các nét trong một chữ không viết thành hàng ngang theo nguyên tắc viết chữ quốc ngữ thông thường, mà được viết theo chiều dọc từ trên xuống như dáng một thác nước đang tuôn chảy.

Thủy thể

c. Mộc thể: Là kiểu chữ được viết chân phương mộc mạc, đơn giản, dễ nhìn, tốc độ vừa phải. Kết hợp từ các đường nét cơ bản lại với nhau một cách nghiêm túc chuẩn mực. Đây là lối chữ thích hợp cho những người mới vào học viết thư pháp. Lối chữ này thường được dùng để viết những nội dung mang tính chất nghiêm túc trang trọng và dễ truyền tải nội dung đến người thưởng lãm.

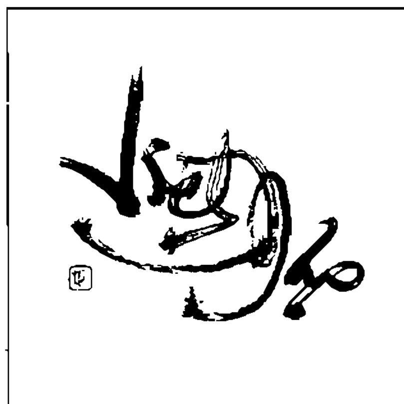
Mộc thể

d. Phong thể: Là lối chữ viết nhanh, trôi chảy, không ngập ngừng, như một cơn gió thoảng qua. Các nét được nối với nhau liên tục, ngọn bút hạn chế nhấc lên khỏi mặt giấy. Nét chữ mang tính nghệ thuật cao chứa nhiều cảm xúc nhưng gọn gàng, nghiêm túc và dễ đọc hơn biến thể.



Phong thể

e. Biến thể: Là loại chữ viết mang đậm cá tính, ngọn bút xuất phát từ cảm hứng cao độ, vận bút nhanh, đường nét trôi chảy không ngập ngừng tính toán. Lối chữ này sử dụng nhiều kỹ pháp liên bút. Ngọn bút hạn chế nhấc lên khỏi mặt giấy tối đa. Chính vì các nét được nối liên tục với nhau, chữ này đôi khi lại nối sang chữ kia nên dễ gây nhầm lẫn và khó đọc hơn các thể chữ khác.



Biến thể

Nghệ thuật thư pháp đương đại Việt Nam là sự kết hợp hài hoà giữa kỹ thuật dùng bút lông mực xạ và những đường nét tiêu biểu của nghệ thuật thư pháp Trung Hoa nói riêng, và nền thư pháp của các nước phương Đông nói chung, để thể hiện các con chữ Latinh (A,B,C...) có xuất xứ từ phương

Tây, có thể nói dễ hiểu là hình phương Tây mà hồn phương Đông.

Lối viết này quả thực là một ý tưởng rất táo bạo, mặc dù gặp không ít khó khăn trong quá trình tìm tòi và phát triển. Thư pháp Việt là đứa con sinh sau đẻ muộn, phải chịu áp lực từ nền thư pháp Trung Hoa vốn có quá trình phát triển hơn 2000 năm. Cấu trúc chữ khác nhau, đường nét và bố cục sắp xếp cũng khác nhau. Có nhiều nguồn dư luận không đồng tình về lối kết hợp này. Cho rằng viết thư pháp phải là chữ tượng hình, chữ quốc ngữ là chữ tượng thanh nên không được công nhận là thư pháp.

Phần trên của bài viết đã nêu rõ, chữ viết Trung Hoa có cấu tạo từ sáu yếu tố (tượng hình, chỉ sự, hội ý, hình thanh, chuyển chú, giả tá). Trong đó số lượng chữ tượng hình chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng số chữ nên đâu phải chữ Hán nào cũng là chữ tượng hình. Vả lại nguồn gốc xuất xứ của các ký tự Latinh cũng từ những hình ảnh nguyên sơ, và dần dần được tối giản trở thành những ký tự nhất định. Cho ta thấy các ký tự Latinh cũng là chữ tượng hình, nhưng nguyên tắc cấu thành chữ thì dựa vào phát âm để kết hợp thành chữ.

Hình chữ	Âm	Hình chữ	Âm	Hình chữ	Âm
	A		H		X
	B		I		P
	G		K		Q
	D		L		R
	F		M		S
	Z		N		T

Chữ Ai Cập cổ



Chữ cái cổ tượng của Tây Phương

Từ hình ảnh đến chữ cái

Bảng chữ cái cổ

Chữ Trung Hoa hay chữ Latinh vốn chỉ là những đường nét sắp xếp trên mặt giấy mà cấu thành chữ. Chữ Hán thì có kết cấu vuông gọn gàng được chia đều theo chiều ngang và chiều dọc, còn chữ Latinh thì được viết dài theo chiều ngang, có chữ dài chữ ngắn, khi kết hợp các chữ với nhau phải tạo thành khối. Nên khi thể hiện một tác phẩm thư pháp bằng chữ Latinh lại gặp phải những trở ngại rất khó khi sắp xếp bố cục, phải kết hợp theo phong cách của mỹ thuật Tây phương mới thành. Một tác phẩm thư pháp được xem như là một tấm tranh mà là tấm tranh chữ.

Nghệ thuật thư pháp đương đại Việt Nam đáp ứng được nhu cầu yêu thư pháp của người dân, gợi lại hình ảnh ông đồ mà lâu nay vắng bóng. Người dân Việt đọc được và hiểu được thư pháp của người Việt. Các tác phẩm thơ văn được nét chữ thư pháp thể hiện trang trọng đồng thời những lời hay ý đẹp cũng được truyền bá rộng rãi hơn, cũng như nâng cao giá trị của nội dung trở thành những tác phẩm tranh chữ nghệ thuật. Như vậy sự phát triển của nghệ thuật thư pháp Việt đương đại là một điều tất yếu.

3.Định nghĩa:

"Thư pháp" là một từ Hán Việt. Về mặt chiết tự, thư có nghĩa là viết (động từ). Pháp có nghĩa là phép (là khuôn phép nhất định để mọi người tuân theo), là cách thức. Hiểu một cách ngắn gọn là cách viết chữ hay phép viết chữ. Theo từ nguyên của Trung Quốc thì "dĩ văn tự kí tải sự vật viết THƯ" và "Xưng thiện kì sự giả viết PHÁP" có nghĩa là "lấy văn tự để chuyển tải nội dung thông tin của sự và vật thì gọi là THƯ" và "sự đã qua quá trình

hoàn thiện thì gọi là PHÁP". Với nghĩa này, thư pháp cũng được hiểu là lọai hình nghệ thuật bắt nguồn từ sự diễn đạt chữ viết.

Tương tự như vậy từ Calligraphy trong ngôn ngữ phương Tây cũng có nghĩa là cách viết chữ đẹp. Calligraphy là kết hợp hai từ Calli và Graphy. Calli có nguồn gốc từ Hy Lạp là Kalli, phát sinh từ Kallos có nghĩa là vẻ đẹp. Và từ Graphy có gốc Hy Lạp là Graphein, có nghĩa là viết chữ. Vì vậy, thư pháp có nghĩa chung nhất là cách viết chữ đẹp". (Trích "Thư pháp là gì?" Thạc sĩ Nguyễn Hiếu Tín)

Như vậy "thư pháp" được hiểu là nghệ thuật chữ viết. Qua đó chúng tôi xin tạm đưa ra định nghĩa như sau cho thư pháp Việt:

Thư pháp Việt (thư pháp đương đại Việt Nam) là một lọai hình nghệ thuật chữ viết, kế thừa và phát triển tinh hoa của nền nghệ thuật chữ viết truyền thống các nước phương Đông. Sử dụng bút lông và mực xạ làm phương tiện chủ đạo, kết hợp với nền mỹ thuật đương đại để thể hiện các con chữ LaTinh có xuất xứ từ phương Tây.

4.W.E.CALLIGRAPHY:

Có rất nhiều người ngoại quốc tuy không hiểu chữ Hán nhưng lại say đắm với những đường nét tạo ra từ ngọn bút lông và mực xạ. Họ sẵn sàng xăm những chữ Trung Hoa lên cơ thể mặc dù không hiểu cho mấy. Vậy còn gì vui sướng hơn với phong cách thư phápViệt đương đại, dùng những đường nét từ ngọn bút lông để thể hiện ngôn ngữ riêng của họ (ngôn ngữ có sử dụng chung hệ thống ký tự Latinh), qua

đó người nước ngoài có thể chiêm ngưỡng được đường nét và còn cảm nhận được nội dung ngôn ngữ riêng của mình. Vì vậy khi giới thiệu thư pháp Việt sang nước ngoài và được đón nhận một cách trân trọng là điều dễ hiểu.

Chúng tôi tạm gọi lối viết này khi thể hiện các hệ thống ngôn ngữ có dùng chung các mẫu tự Latinh là :

W.E. CALLIGRAPHY

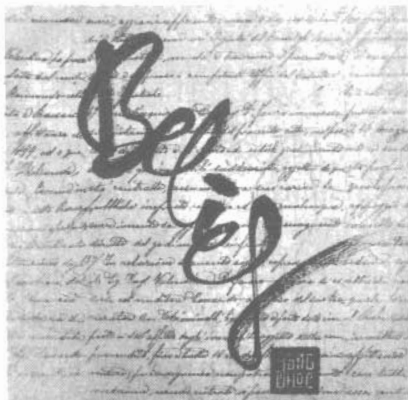
W: nghĩa là west tức phương Đông

E: nghĩa là East tức phương Tây

W.E. Calligraphy (West-East Calligraphy) có thể hiểu là thư pháp Đông Tây. Với định nghĩa bằng tiếng Anh như sau:

West-East Calligraphy (W.E.C.) combines essential aesthetic principles from the cultures of both the West and East. The art form employs the Latin alphabet, which originated in the West, and the highly-evolved beauty of calligraphy, as it developed in the East.





Thư pháp thể hiện bằng tiếng Anh

Who knows
years later
gravels and Rocks
might
need
each
other.

Trinh Cong Son







Thư pháp thể hiện bằng Tiếng Anh

B. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA THƯ PHÁP VIỆT

Trước hết phải kể đến đó là cụ Đông Hồ, ông có thể không phải là người đầu tiên dùng ngọn bút lông mà viết chữ quốc ngữ, nhưng công lao và tâm huyết cũng như những cống hiến suốt cuộc đời của ông cho nền văn học Việt Nam cũng như bộ môn thư pháp Việt thì không sao kể xiết.

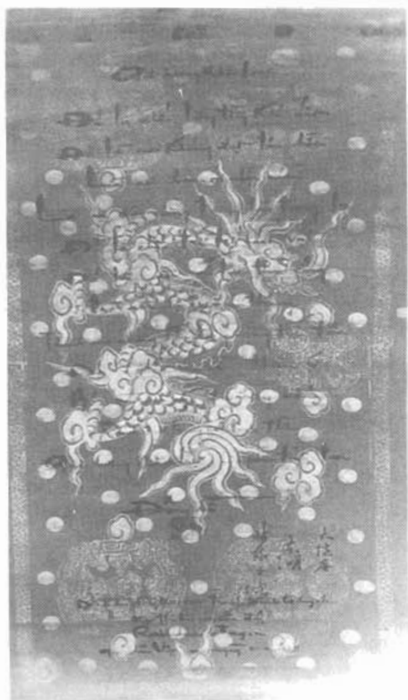
Xuất phát từ lòng yêu tiếng mẹ đẻ, dù là dạy học, làm thơ hay khảo cứu, ông đều có ý thức là mình đang xây dựng tương lai cho "Tiếng Việt huy hoàng", ông là một trong những nhà văn hóa thật sự của dân tộc. Tại thành phố Hồ Chí Minh và thị xã Hà Tiên đều có đường mang tên cụ Đông Hồ như một tình cảm cũng như lời tri ân của nhà nước trước những cống hiến của cụ.

Vốn yêu thơ yêu chữ, ban đầu là chữ Hán, ông đã mạnh dạn dùng ngọn bút lông kết hợp để viết chữ Quốc ngữ và truyền bá khắp nơi. Những tác phẩm của ông thường được viết kèm tiếng Hán bên trên, phần chính văn được thể hiện chữ Quốc ngữ, sau đó ông điểm xuyết thêm một vài nét thuỷ mặc như cành lan, nhánh trúc...Ông cho



Thiệp thư pháp của Đông Hồ

xuất bản nhiều tập sách và in kèm trong đó nhiều tác phẩm thư pháp chữ Quốc ngữ do ông viết. Đầu năm mới ông có thói quen là sáng tác một bài thơ, sau đó viết trang trọng bằng thư pháp và in thành thiệp gửi tặng cho bạn bè thân hữu.



Ông từng dịch hai tác phẩm nổi tiếng của nhà thơ Ấn Độ Tagore. Ông viết trang trọng một tác phẩm lên cây quạt, một viết lên nền giấy sắc phong (giấy sắc phong là một sản phẩm đặc biệt



Cả hai tác phẩm trên hiện đang được lưu trữ tại viện Hàn Lâm Ấn Độ

của nghề làm giấy truyền thống Việt Nam, với những họa tiết đặc trưng của mỗi thời kỳ lịch sử và của từng trung tâm sản xuất giấy sắc. Được dùng để viết văn bản truyền mệnh lệnh của vua phong chức tước cho quý tộc, quan chức, khen thưởng những người có công hoặc phong thần và xếp hạng cho các vị thần được thờ trong các đình đền trong tín ngưỡng làng xã của người Việt).

Đến với nhà lưu niệm Đông Hồ, nằm ven bờ Đông Hồ Ấn Nguyệt tại Hà Tiên. Ta thấy cả trăm tác phẩm thư pháp chữ Quốc ngữ của ông còn được lưu giữ đến ngày hôm nay.

"Ríu rít đàn chim kêu
Cha truyền con nối theo
Huống là tiếng mẹ đẻ
Ta có lẽ không yêu

Hồn Đại Việt giọng Hàn Thuyên
Nền móng văn chương cổ điển
Đặt đây viên đá đầu tiên
Xây dựng tương lai còn hẹn."

Đông Hồ

Đây là một bài thơ nói lên tâm huyết và nỗi lòng yêu tiếng mẹ đẻ của ông Đông Hồ.

"Đặt đây viên đá đầu tiên
Xây dựng tương lai còn hẹn"

Quả thật những viên đá đầu tiên cụ Đông Hồ đặt đây đã được tiếp bồi xây dựng. Cùng thời ông ta còn thấy bút tích của nhà thơ Vũ Hoàng Chương, sau đó có nhà thơ Nam

Giang, nhà thơ Trụ Vũ và hoạ sĩ Vũ Hối… Đây là những tên tuổi đáng cho chúng ta ghi nhận về sự đóng góp không nhỏ cho bước đầu hình thành bộ môn nghệ thuật thư pháp chữ Việt. Giai đoạn này thư pháp được hình thành mang tính chất tự phát, mỗi người một lối viết, một phong cách riêng.

Theo thời gian phát triển, thư pháp Việt đã dần trở thành một phong trào được một số ít người biết đến và đam mê, phải kể đến như: Họa sĩ Chính Văn, Nguyễn Thiên Chương, Nhà thơ Song Nguyên, Sư Minh Đức Triều Tâm Ảnh, Bùi Hiến, Thanh Sơn, Nhà thơ Nguyệt Đình…Những nhóm nhỏ hoạt động học hỏi giao lưu thư pháp bắt đầu ra đời.



Bút tích của nhà thơ Vũ Hoàng Chương

Điểm mốc cho sự nở rộ phong trào thư pháp Việt là khoảng vào năm 2000 với hai cuộc triển lãm thành công của Bùi Hiến tại Đầm Sen và nhiều địa điểm khác, triển lãm của KTS Nguyễn Thanh Sơn tại Nhà thiếu nhi thành phố, đã gây tiếng vang không ngừng, khiến công chúng biết nhiều hơn và phong trào bắt đầu trở nên sôi nổi. Tiếp theo là những cuộc triển lãm liên tục tại các lễ hội lớn của thành phố và khi ấy một nhóm nhỏ những người yêu thích thư pháp Việt

tại nhà KTS Thanh Sơn đã dời ra quán cơm chay trên đường Nguyễn Du để hoạt động cũng như để đáp ứng nhu cầu học thư pháp Việt ngày càng đông. Sau đó chúng ta ghi nhận sự ra đời chính thức của các câu lạc bộ như CLB yêu thích thư pháp Q1, CLB thư hoạ báo Giác Ngộ, CLB thư pháp Q8, CLB thư pháp Q Bình Thạnh, CLB thư pháp Q10 và CLB thư pháp NVH Thanh Niên...Giai đoạn này báo chí và truyền thông bắt đầu đưa tin khiến công chúng biết đến thư pháp Việt nhiều hơn. Chữ thư pháp cũng bắt đầu xuất hiện trên các sản phẩm in ấn như Lịch, thiệp, banô quảng cáo...Người ta bắt đầu tạo ra font chữ vi tính bằng thư pháp và xuất hiện ngày càng nhiều. Giai đoạn này xuất hiện thêm nhiều tên tuổi khác như: Lãng Nhân, Tắc Hồng, Lê Lân, Tuấn Hải, Văn Hải, Thiện Dũng, Trần Quốc Ấn, Hồ Công Khanh, Hiếu Tín, Lưu Thanh Hải, Đăng Học...Thư pháp Việt bắt đầu xuất hiện trên mạng internet qua những diễn đàn như www.ttvnol.com , www.honchuviet.com , www.thuhoavietnam.com...

Chính vì sự nở rộ quá nhanh này đã gây ra không ít những cuộc tranh cãi, người đến với thư pháp thời công nghệ này không như thời xưa, một số hời hợt và đôi khi chẳng hiểu gì về thư pháp, thấy lạ thấy hay, có người ủng hộ thậm chí có người mua tranh thì đây là động lực để viết. Báo chí có người thì ủng hộ cho phong trào, người thì phê phán không đồng tình với loại hình nghệ thuật này. Giai đoạn này được đánh giá là giai đoạn "loạn thư pháp".

Người ta tìm đến các trung tâm để học thư pháp Việt ngày càng đông, nhưng vì chưa có hệ thống lý luận và phương pháp giảng dạy rõ ràng, nên học viên chỉ cần học

trong thời gian ngắn, nghuệch ngoạc được đôi chữ thì có thể tự xưng là nhà thư pháp và tự tin ra viết chữ kiếm tiền một cách dễ dàng. Vì người dân còn chưa hình dung thư pháp là gì nên chỉ thấy nét chữ lạ thì mua theo phong trào. Giai đoạn này rõ thực là vàng thau lẫn lộn khó mà nhận thấy được ai thực tâm với thư pháp, ai theo thư pháp chỉ vì đây là một nghề mới có thu nhập quá dễ dàng.



Phố ông Đồ

Sách viết về thư pháp Việt xuất hiện cũng nhiều. Chủ yếu là các sách giới thiệu sơ lược về thư pháp Hán, các thể chữ và những mẫu chữ để tập thư pháp Việt. Trong tình hình đó vào năm 2006, Đăng Học cho ra đời quyển sách mang tên Hồn Chữ Việt, đưa ra một lý luận sơ khởi cho thư pháp Việt. Đồng thời giới thiệu những tác phẩm tâm đắc mang phong cách hiện đại và những ứng dụng trong trang trí, sách được in và trình bày công phu với màu sắc đẹp mắt. Sau đó Nguyễn Hiếu Tín cho ra đời một cuốn sách mang tên "Thư Pháp là gì?"(Nxb Văn Nghệ, 01/2007), đây là luận văn tốt nghiệp thạc sĩ của tác giả mang nhiều bài viết giới thiệu tổng thể về các nền thư pháp từ Đông sang Tây trong đó có giới thiệu về thư pháp Việt. Đây là một tài liệu bổ ích cho những ai muốn tìm hiểu về các nền nghệ thuật thư pháp.

Sau khi quyển sách Hồn Chữ Việt ra đời với một hệ thống lý luận sơ khai, đã được đón nhận và tái bản. Chúng tôi mạo muội viết nên tập sách này, giới thiệu và bàn sâu hơn về những lý thuyết, những lý luận và những kiến thức bổ ích cho những ai muốn học thư pháp Việt, nhằm đưa thư pháp Việt bước sang một chương mới, bài bản, thống nhất và ổn định hơn. Những người yêu thích thư pháp ngoại trừ phát triển lối chữ sở trường của mình ít nhất nên biết và am tường các thể chữ khác cũng như những kỹ năng, kỹ thuật vận bút sao cho đúng cách. Với những lý luận cơ bản này hy vọng thư pháp Việt có thể khẳng định được vị trí của mình trước những nền thư pháp bạn.



Sách Hồn Chữ Việt của
Đăng Học

PHẦN II

A.VĂN PHÒNG TỨ BẢO



"Văn phòng tứ bảo" là bốn vật quý nơi phòng văn, dùng chung cho những ai hoạt động có liên quan đến việc viết chữ và vẽ tranh. Đó là bốn món : BÚT LÔNG, MỰC TÀU, NGHIÊN MỰC, GIẤY.

Chính nhờ những vật dụng này mà người nghệ sĩ có thể trải lòng mình lên từng con chữ. Ngoài ra còn có các vật dụng khác đem lại sự tiện ích cho việc viết chữ như: Đồ chặn giấy, ống đựng bút, giá treo bút, dụng cụ gác bút…

Riêng về văn phòng tứ bảo chúng ta sẽ tìm hiểu sơ lược để có chút khái niệm cơ bản về những vật dụng thân thuộc mà chúng ta tiếp xúc thường xuyên cũng như biết cách lựa chọn khi trang bị những vật dụng quan trọng đó.

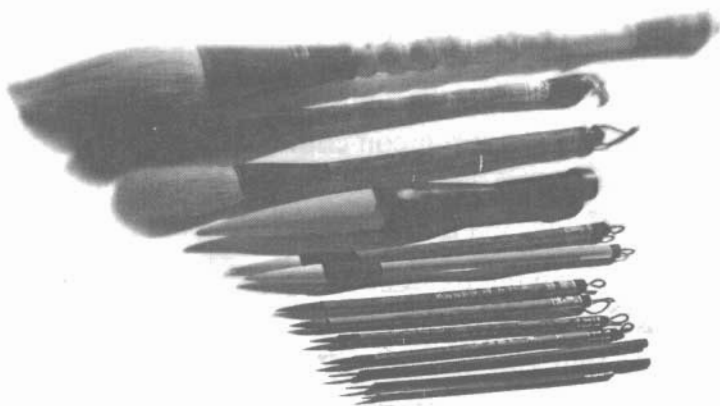
I. BÚT LÔNG

Trung Hoa gọi là "Mao Bút", là một tuyệt phẩm của nhân loại (theo truyền thuyết bút lông được người Trung Quốc phát minh khoảng 221 năm trước Công Nguyên). Nguyên liệu thường được dùng để làm bút ban đầu chủ yếu dùng lông cầm thú như lông dê, lông hưu, lông nai, lông heo, lông cọp, báo…

Trải qua hơn 2000 ngàn năm, cây bút lông được người Trung Quốc hoàn thiện dần và tạo ra nhiều chủng loại, mẫu mã, tính năng phong phú đa dạng.

Cấu tạo của bút lông gồm hai phần: Thân bút (cán bút) và ngọn bút. Có rất nhiều chủng loại khác nhau từ trước đến nay, mỗi loại có một đặc tính và chức năng khác nhau. Sự khác biệt đó là do chất liệu cũng như độ dài của lông được dùng làm ngọn bút.

Có 3 loại bút lông chính: Bút lông mềm, bút lông cứng, và bút lông pha.



- Bút lông mềm: Thường được chế tạo từ lông dê, tóc thai nhi...Với tính năng mềm mại nhu nhuyễn, nên hấp thu được nhiều mực tạo ra nét chữ đầy đặn, nét bút linh hoạt uyển chuyển khi vận bút.

- Bút lông cứng: Thường được chế tạo từ lông thỏ lông sói, râu chuột... Với tính năng cương kiện, đầu bút chắc khoẻ, có tính đàn hồi cao. Nhưng khi hạ bút khó tạo được đường cong, nhấc bút thường để lại dấu, hay lộ rõ những mảng sướt của ngọn bút trên mặt giấy.

- Bút lông pha: Kết hợp loại lông cứng và lông mềm để tạo ra một loại bút có tính năng dung hoà, loại bút này vừa có nhu, có cương hỗ trợ cho nhau về các tính năng nên rất tiện để sử dụng.

Đối với người mới tập viết dùng loại bút lông cứng và có chiều dài lông ngắn thì dễ điều khiển hơn. Đối với người đã thành thạo, có nhiều kinh nghiệm nên sử dụng loại bút lông mềm với tính năng mềm mại hơn, dễ dàng sáng tạo những đường nét đặc biệt với hiệu quả riêng của nó. Với loại bút lông pha thì ta được đặc tính của cả hai loại bút, thích hợp với những tác phẩm có kích thước lớn.

Chiều dài ngọn bút cũng ảnh hưởng không ít đến sự thành công của tác phẩm. Những loại bút có đầu lông dài và dày thường giữ được lượng mực nhiều hơn, hạn chế việc ngừng lại chấm thêm mực khi đang viết sẽ gián đoạn cảm xúc của người viết. Nếu bạn muốn viết tác phẩm với kích thước nhỏ, cũng nên dùng cây bút có kích thước to hơn kích thước một nét chính trong chữ, như thế bút mới chứa đủ mực để viết, nét sẽ dày và mạnh mẽ. Không nên tì hết mức ngọn

bút xuống mặt giấy để viết chữ to, khi đó ngọn bút tòe ra và không đàn hồi lại được, lượng mực được giữ trong phần bụng bút sẽ bị thấm hết ra giấy phải tốn thêm giai đoạn chấm mực và vuốt cọ. Đối với loại bút nhỏ thì không bao giờ nên dùng để viết chữ to hơn nó.

CÁCH CHỌN BÚT:

Khi mua bút về sau khi rửa sạch lớp keo, bạn nhúng bút vào nước và giũ thật mạnh. Nếu bút tốt thì sẽ hội đủ các yếu tố sau đây: TIÊM, TỀ, VIÊN, KIỆN.

- **Tiêm** nghĩa là nhọn, khi nhúng ngọn bút vào mực hay nước thì lông bút túm lại đến phần đầu bút phải thật nhọn.

- **Tề** là ngay ngắn, tất cả các sợi lông phải được xếp đều đặn ngay ngắn từ gốc đến ngọn, không xiên qua xéo lại. Lúc bút khô, xoè ngọn bút ra trên mặt giấy, nếu thấy lông bút xòe đều ra như hình rẽ quạt thì là bút tốt.

- **Viên** là tròn đều, quan sát thấy xung quanh ngọn bút no đầy, bốn mặt tròn đều không bị lõm vào hay lồi ra.

- **Kiện** là cứng cáp, ngọn bút có độ đàn hồi cao, nhấn bút xuống mặt giấy khi nhấc lên, ngọn bút trở lại trạng thái ban đầu.

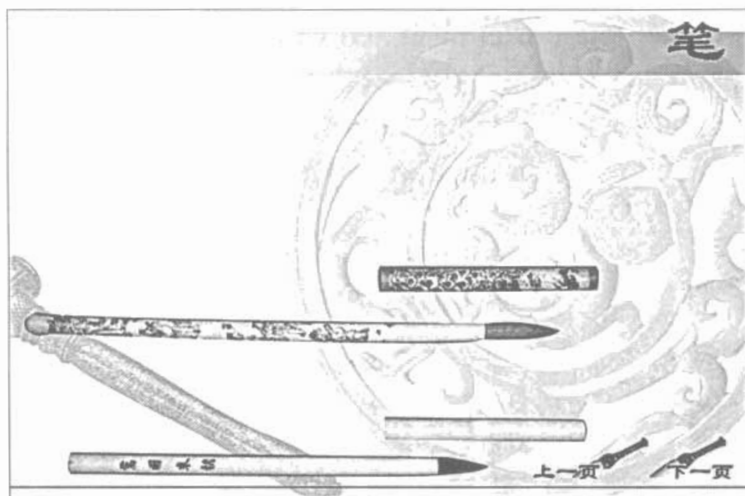
Khi mua bút chúng ta chỉ quan sát được ngọn bút có nhọn và tròn đều hay không thôi, vì bút được nhúng một loại hồ đặc biệt của nhà sản xuất.

Cán bút thường được làm bằng tre, gỗ, sành , sứ hoặc sừng…Dù được làm bằng chất liệu gì đi nữa thì cán bút phải thẳng và tròn đều.

SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN BÚT:

Khi mua bút lông về, phải ngâm vào nước lã khoảng 15-30 phút cho tan đi phần hồ. Sau đó rửa sạch. Mỗi lần sử dụng nên nhúng ngọn bút vào nước cho bút "no nước" sau đó dùng khăn giấy để thấm bớt nước ra rồi mới chấm vào mực. Sau mỗi lần sử dụng phải rửa bút thật sạch bằng nước lã, không nên để bút bị khô hoặc ngâm bút quá lâu trong thố rửa mực, ngọn bút sẽ bị cong. Sau khi rửa, vuốt bút thật nhọn và treo ngược lên giá cho đến khi bút khô có thể cất vào hũ đựng bút.

Bút sử dụng càng lâu, càng mềm tạo cảm giác quen tay, khi sử dụng sẽ linh hoạt, nếu bảo quản kỹ sẽ sử dụng được lâu không phải thay bút mới. Trong quá trình sử dụng nếu có sợi lông nào bị tưa ra thì nên dùng kéo cắt đi, không nên bức bằng tay hoặc giật ngược ra sau tránh làm ảnh hưởng đến những phần lông còn lại.



II. MỰC

Trung Hoa gọi là "mặc", do có xuất xứ từ Trung Quốc nên dân ta thường gọi là mực Tàu. Mực Tàu được làm từ bồ hóng, than tùng hòa với keo hoặc nhựa thông, đôi khi có pha thêm một số phụ gia để giữ mùi hương. Có loại được trộn cả trân châu, vàng hoặc cả mật rắn…

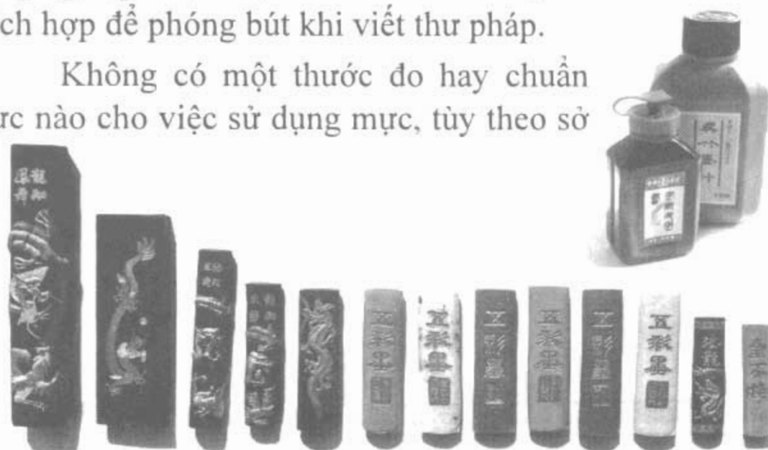
Tuỳ vào loại bồ hóng sẽ cho ra những chất lượng mực khác nhau. Bồ hóng thường được lấy từ gỗ thông, dầu hoặc than công nghiệp. Mỗi loại bồ hóng sẽ được trộn với một loại keo riêng biệt để đạt những chất lượng nhất định.

. Mực làm từ bồ hóng có xuất xứ từ dầu sẽ cho ta mực có màu đen ấm.

. Mực làm từ bồ hóng có xuất xứ từ gỗ thông sẽ cho ta mực có màu xanh đen và lạnh hơn, loại này thích hợp cho việc viết vẽ tranh truyền thống.

. Mực làm từ bồ hóng có xuất xứ từ than công nghiệp được trộn rất ít keo và dầu, rất thích hợp để phóng bút khi viết thư pháp.

Không có một thước đo hay chuẩn mực nào cho việc sử dụng mực, tùy theo sở



thích, thói quen và kinh nghiệm của mỗi người sẽ chọn cho mình một loại mực và độ đặc - loãng thích hợp cho từng thể chữ, cũng như từng loại giấy. Mực được chia làm hai loại: Mực thỏi và mực nước.

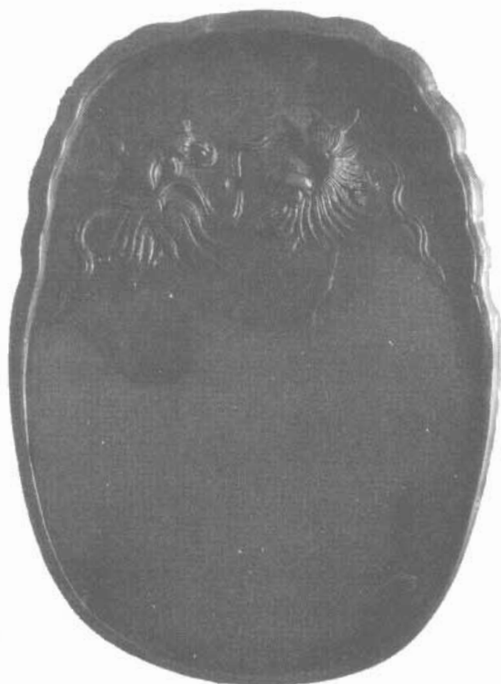
- **Mực thỏi:** Lợi thế của mực thỏi là trước khi viết bạn phải mài mực, qua đó bạn có thời gian tĩnh tâm, thư giãn và tập trung tư tưởng chiêm nghiệm vào chủ đề mình sắp thể hiện. Khi mài mực phải thật chậm rãi, nhẹ nhàng, cầm thỏi mực đứng thẳng, tay đưa thỏi mực theo vòng tròn, vòng tròn nên lớn không nên nhỏ quá và mài theo một chiều duy nhất. Cho nước vào nghiên từ từ, mỗi lần một ít, khi mực sệt lại thì tiếp tục cho nước vào và mài đến khi lượng mực đủ dùng thì thôi. Trong khi mài mực nhúng ngọn bút vào lượng mực vừa mài và nhấc lên thử, nếu không thấy mực nhỏ xuống thành giọt thì đã đủ độ sệt, có thể chấm vào giấy để kiểm tra độ đậm nhạt. Không nên dùng lại mực cũ khi đã sử dụng vì mực cũ để lại cặn, khi vận bút sẽ không trôi chảy. Nước để mài mực nên dùng nước lã.

- **Mực nước:** Hiện nay để tiện sử dụng các nhà thư pháp thường sử dụng mực đã được pha sẵn, khi mua về chỉ cần đổ ra chén là có thể sử dụng được ngay. Điều trở ngại là khó có thể mua được một bình mực có độ đậm như ý, trên thị trường đang lưu hành nhiều bình mực giá rẻ nhưng khi sử dụng mực có màu xám và lỏng như nước rửa bút, lại có mùi hôi khó chịu. Vì vậy khi mua ta nên kiểm tra kỹ, có thể mở nắp mực và thấm nhẹ vào vỏ hộp, nếu thấy mực sệt, có màu đen bóng thì nên mua. Khi sử dung mực nước, ta nên xài kèm mực thỏi để điều chỉnh độ đặc loãng cho thích hợp.

III. NGHIÊN

Trung Hoa gọi là "nghiễn", nghiên mực là loại dụng cụ dùng để mài và đựng mực Tàu. Chất liệu làm nghiên thường được làm bằng ngọc, đá, gốm, sành sứ, có khi được làm bằng đồng hoặc gỗ…

Phổ biến nhất là vẫn là nghiên được làm bằng đá, nổi tiếng về chất liệu cũng như kiểu dáng điêu khắc tinh xảo phải kể đến đó là bốn loại nghiên trứ danh của Trung Quốc.





a. Đoan nghiễn: Có từ đời Đường, dùng đá Đoan Khê chế tác, Đoan khê là một địa danh thuộc tỉnh Quảng Đông Trung Quốc. Được người Trung Quốc phong là "Thiên hạ đệ nhất nghiễn"

b. Hấp nghiễn: Còn gọi là Long Vĩ Thạch Nghiễn. Có từ đời Đường được làm từ đá lấy ở núi Long Vĩ, thuộc Hấp huyện tỉnh An Huy Trung Quốc.

c.Thao Hà Thạch Nghiễn: Có từ đời Tống, dùng đá ở sông Thao chế tác: Sông Thao thuộc địa phận huyện Lâm Đàn, tỉnh Cam Túc Trung Quốc.

d.Hồng Ti Thạch Nghiễn: Có từ đời Đường, dùng đá ở Ích Huyện tỉnh Sơn Đông chế tác, đá có ba màu: Đỏ, vàng, tía.

Ngày nay do nhiều người có thói quen dùng mực nước nên chén đựng mực lại được thông dụng. Dù bạn dùng nghiên mực hay chén mực thì sau mỗi lần sử dụng nên rửa thật sạch.



Nghiên mực tuy không giữ chức năng then chốt trong bộ tứ bửu, nhưng lại được xem trọng hơn cả. Bởi nó gắn liền cả đời với nhà thư pháp. Có được một chiếc nghiên quý như có được vật gia bảo. Các cụ ngày xưa còn cho rằng nghiên đá là một vật linh thiêng trấn giữ phòng văn là nơi hội tụ khí tinh anh của trời đất.



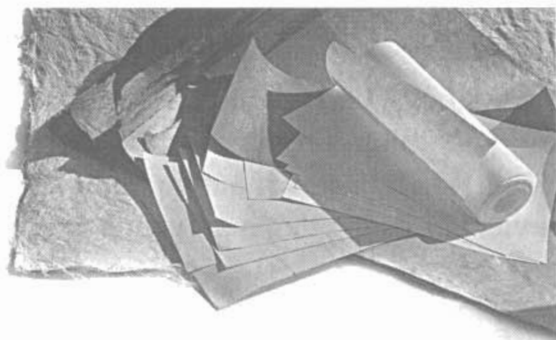
IV. GIẤY

Trong lịch sử văn hoá Trung Hoa, giấy là một trong bốn phát minh lớn được cả thế giới công nhận. Giấy xuất hiện muộn hơn so với bút và mực. Trước khi có giấy người ta viết lên xương thú, mai rùa, đá, gỗ, thẻ tre, lụa thô...

Nguyên liệu làm giấy cũng rất phong phú, thường dùng cách loại gỗ như: Thụy Hương, Sạn Hương, Cây Dó, Dâu, Mây, Phù Dung, Thanh Đàn, Tre Trúc...

Viết thư pháp nên dùng loại giấy truyền thống của Trung Quốc là giấy Tuyên Chỉ nhưng người Việt đọc trại đi thành giấy "Xuyến Chỉ". Tuyên Chỉ, lấy tên Tuyên Thành ở An Huy. Tuy nhiên chỉ có vùng phụ cận của Tuyên Thành mới sản xuất giấy. Nhiều nơi cũng sản xuất giấy thư pháp rồi cũng lấy tên là Tuyên Chỉ. Hiện nay loại giấy Tuyên được ưa chuộng là: Ngọc Bản Tuyên, làm từ gỗ dâu, rạ và vỏ cây Đàn Mộc ngâm tro, vì vậy giấy hút mực rất nhiều. Loại giấy này hấp thụ nước nhanh nên viết chữ và vẽ tranh đều tốt. Trước khi viết lên loại giấy này nên kiểm tra độ mực trước, không nên dùng mực quá loãng, nét chữ dễ bị loang và nhập nhằng vì tính giấy dễ loang nhanh.

Giấy Dó là loại giấy truyền thống của Việt Nam, giấy có màu ngà vàng, không trắng như nhiều loại xuyến chỉ. Được làm từ sợi cây Dó, độ hút mực tùy theo độ dày của giấy, giữ được khoảng vài trăm năm. Giấy Dó hiện nay còn giữ được nghề chủ yếu phục vụ cho giới hội họa, vì vậy không có các khổ giấy cần thiết cho thư pháp, mẫu mã cũng không đa dạng.



Giấy Điệp vốn được dùng làm tranh Đông Hồ. Giây Điệp thực chất là một tờ giấy Dó quét một lớp Điệp (vỏ sò giã nát trộn với màu thiên nhiên và hồ). Giấy này ít hút mực, bề mặt bóng, có ánh sáng của vỏ sò. Tuy nhiên, do phụ thuộc vào khổ giấy Dó, nên giấy Điệp cũng không đa dạng về kích cỡ đồng thời không giữ được lâu bởi màu Điệp mau phai, dễ gẫy mạch giấy.

Giấy xuyến chỉ và giấy dó (loại mỏng) phải bồi nhiều lớp chồng lên nhau sau khi viết. Có thể bồi hồ theo phương pháp truyền thống Trung Hoa hoặc bồi keo hai mặt theo phương pháp hiện đại.

Vì giấy dó và xuyến chỉ có giá thành rất mắc nên không thích hợp để tập viết. Bạn có thể dùng giấy báo hoặc mua loại giấy Gòn (giấy tái sinh) rẻ tiền và có độ thấm mực cũng như độ dày tương tự như giấy Xuyến chỉ.

Hiện nay trên thị trường có vô số loại giấy với đủ màu sắc và kiểu dáng khác nhau, rất tiện lợi cho việc sáng tác. Với loại giấy "mỹ thuật" có độ dày cao nên khi viết không cần phải bồi. Nên thể nghiệm qua nhiều loại giấy khác nhau sẽ cho ta những hiệu quả riêng biệt nhất định.

B. PHƯƠNG PHÁP LUYỆN CHỮ



Có rất nhiều phương pháp để luyện chữ, nhưng theo kinh nghiệm của chúng tôi thì có ba phương pháp dưới đây bạn có thể chọn cách luyện chữ cho mình: Vay chữ, chuyển chữ, độc lập.

<u>1.Vay chữ:</u> Bạn có thể chọn mẫu chữ của một thư pháp gia mà bạn yêu thích, sau đó tập theo cách viết và đường nét của họ, cũng như định hình luôn phong cách của bạn theo lối chữ bạn chọn. Cách này khá đơn giản và phổ biến. Chú ý khi chọn chữ bạn nên quan sát phân tích những đặc điểm, tính chất, kết cấu của chữ (cao, thấp, dày mỏng, các chữ liên kết thoáng hay hẹp, nét chữ góc cạnh hay tròn đầy...) Qua đó bạn có thể luyện thêm kỹ năng phân tích.

Có một phương pháp gọi là "lâm thiếp"mà Trung Quốc đã sử dụng, bạn chọn chữ của một nhà thư pháp và kẽ phần viền của chữ rồi dùng bút lông đồ bên trong lòng chữ. Hoặc bạn kê một tờ giấy mỏng bên trên chữ mẫu và viết theo nét mờ mờ mà bạn nhìn thấy xuyên qua lớp giấy. Sau đó bạn có thể nhìn chữ tự viết mà không cần đồ lại. Điều quan trọng khi lâm thiếp là làm sao bạn nắm bắt được kỹ thuật dụng bút của tác giả và viết được cái thần của chữ bạn đang tập theo.

2.Chuyển chữ: Trước khi định hình phong cách của mình, bạn vay theo chữ của các nhà thư pháp khác một thời gian, sau đó tổng hợp lại những kinh nghiệm và tìm cho mình một phong cách riêng, bạn có thể vay chữ của nhiều người. Nên nhớ khi tập theo chữ của ai phải tập cho xong, không nên sớm chiều thay đổi. Khi bạn nắm được các nguyên tắc và đặc điểm của nhiều lối chữ khác nhau, bạn có thể tự tạo một phong cách đặc thù cho mình và không trùng lập. Cái khó ở điểm là làm sao kết hợp khéo léo nhiều phong cách với nhau cho tự nhiên và uyển chuyển, tránh trường hợp râu ông này cắm cằm bà kia.

3. Độc lập: Ngay từ đầu bạn có thể quan sát học hỏi và tự luyện chữ theo phong cách riêng của mình. Sau đó từ phong cách này bạn sẽ hoàn thiện dần nét chữ theo thời gian và kinh nghiệm. Cách này có thể đưa bạn đến một đỉnh cao riêng, bạn có một nét chữ đặc trưng nếu như bạn có tiềm năng thư pháp bẩm sinh. Nếu kiến thức không đầy đủ, nhận định không chín chắn, cách luyện này có thể dẫn bạn đi sai đường và dễ gây ngộ nhận. Sau này bạn có muốn sửa chữ lại cũng khó.

Khi mới bắt đầu tập luyện, bạn nên luyện các nét căn bản cho thật vững vàng, sau đó bạn luyện từng ký tự. Khi đã thuần thục các ký tự, bạn tập ráp từng ký tự với nhau thành một chữ, hai chữ, ba chữ...(Lúc này bạn chú ý đến chương pháp, các chữ kết hợp với nhau sao cho hài hòa đẹp mắt). Tiếp theo bạn tập viết một câu thơ, hai câu và nhiều hơn...Bạn nên tập luyện theo từng bước, đừng nóng vội để thể hiện mình quá sớm (Dục tốc bất đạt).

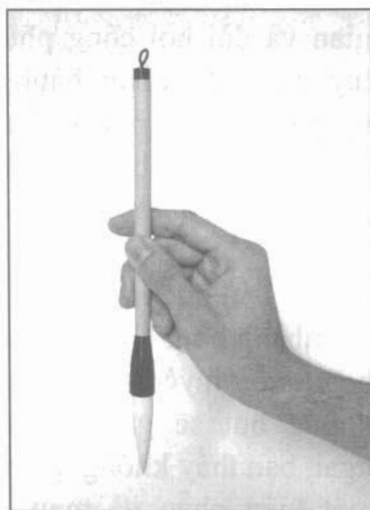
C. CÁCH CẦM BÚT

Cầm bút sao cho bút vuông góc với mặt giấy, khi viết các ngón tay và cổ tay phải thoải mái không gồng cứng. Lưng thẳng, vai giữ nằm ngang và thả lỏng. Nên tập cho mình một thói quen để giấy song song với cạnh bàn và vai. không nên để tờ giấy xéo và xoay người sang để viết. Với tác phẩm có kích thước vừa phải khi chuyển bút chỉ di chuyển các ngón tay, cổ tay, khủy tay chứ không di chuyển vai và toàn thân. Tuỳ vào loại giấy, độ đặc lỏng của mực và thể chữ mà bạn chọn cho mình tốc độ viết phù hợp. Đừng quan niệm rằng viết thư pháp phải viết thật nhanh mới hay. Công phu cầm viết nằm ở chỗ tay thật vững, không run, khi tay vững thì bạn có thể viết chữ to hay chữ nhỏ chỉ với một cây bút.

Khi viết, tay nhấc lên cao không chạm mặt giấy gọi là Không Bút. Khi viết tay chạm mặt giấy thì gọi là Tì Bút

- NGŨ CHỈ CHẤP BÚT: Đây là cách cầm bút thông dụng và phổ biến nhất.

Giữ thân bút bằng ba ngón tay, ngón cái, ngón trỏ và ngón giữa. Đầu ngón tay cái áp sát vào thân bút, đầu ngón trỏ và ngón giữa áp sát vào thân bút theo phía đối diện với ngón cái. Phần móng tay của ngón áp út tựa nhẹ vào thân bút và ngón út không chạm vào thân bút mà tựa nhẹ vào ngón áp út.



Ngũ chỉ chấp bút

Chú ý ngón áp út và ngón út không để cong quẹo hoặc chạm vào lòng bàn tay. Các ngón tay phải giữ bút chắc chắn, lòng bàn tay phải rỗng. Cổ tay phải thăng bằng và cánh tay luôn giữ ở tư thế treo.

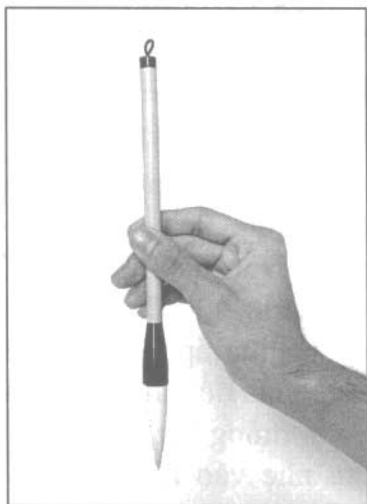
Các bạn nên nhớ rằng cầm bút cao hay thấp và cầm theo cách nào cho phù hợp còn tuỳ thuộc vào thể chữ và kích thước của tác phẩm.

- CÁC CÁCH CẦM BÚT KHÁC

. Cách cầm đơn giản nhất là giữ sao cho các ngón tay nằm một bên thân bút và ngón trỏ nằm ở phía ngược lại.

. Khi viết chữ với kích thước nhỏ bạn có thể tựa nhẹ cánh tay vào cạnh bàn, chống nhẹ ngón tay út vào giấy hoặc kê cổ tay lên một thanh gỗ hay mu bàn tay trái.

Khi mới tập viết, có người luyện kỹ pháp không bút trước, cách này tốn nhiều thời gian và đòi hỏi công phu tập luyện cao. Nếu bạn thành thạo kỹ pháp không bút thì bạn đã dàng điều khiển bút theo các kỹ pháp khác. Ngược lại, nếu bạn luyện kỹ pháp tì bút trước thì bạn dễ làm quen và điều khiển bút nhanh hơn. Nhưng sau này bạn muốn luyện sang kỹ pháp không bút sẽ gặp nhiều trở ngại, bạn thấy không quen tay, mất kiên nhẫn và mau chán



Cách cầm bút đơn giản nhất

nản. Như vậy sẽ gây hạn chế rất lớn cho công việc sáng tác của bạn sau này.

Tư thế viết:





Cầm bút ở ba tư thế thấp trung cao

- *Ngồi viết:* Tùy theo chiều cao của mỗi người và diện tích của nơi viết chữ mà bạn có thể chọn cho mình một bộ bàn ghế thích hợp và thoải mái để viết.

- *Đứng viết:* Tức là bạn vẫn dùng bàn để viết nhưng không dùng ghế để viết cho thật thoải mái.

- *Ngồi xếp bằng:* Lúc này bạn sử dụng bàn thấp và ngồi xếp bằng dưới đất hoặc có thể ngồi trên một chiếc gối nhỏ. Tư thế này có tầm nhìn vừa phải, không quá gần như khi sử dụng ghế mà cũng không quá xa khi đứng viết.

- *Bò nghiêng:* Các bạn dễ thấy hình ảnh này khi xem những tranh ảnh về những cụ đồ ngày xưa, đây là tư thế tạm thời vì các cụ chỉ viết trong mấy ngày xuân ngắn ngủi, không tiện mang theo bàn ghế. Ở tư thế này nếu viết chữ đại tự thì các cụ ngồi thẳng lưng mà viết, trong trường hợp viết các câu đối thì các cụ duỗi dài người lên phía trước.

- *Quỳ gối viết:* Ở tư thế này thì hai gối các bạn phải chạm đất và tay trái chống thẳng, rất tiện khi viết chữ to.

- *Đứng viết lên vách:* Khi các bạn phải viết tác phẩm lên một tấm vách cố định thì ta dùng tư thế này. Giữ tầm mắt vừa phải và tập trung vào nội dung đang thể hiện.

* Dù bạn viết ở bất kỳ tư thế nào đi nữa thì nên giữ cơ thể thăng bằng và thoải mái. Nếu ngồi ghế thì hai bàn chân phải song song nhau và chạm vào mặt đất. Vai luôn giữ ngang và cột sống phải thẳng, nếu không dễ gây tật gù lưng và nhức mỏi cho chúng ta sau này, cũng như không thể ngồi viết lâu được. Nếu trong trường hợp vận bút có gì trở ngại, bạn nên kiểm tra lại tư thế và cách cầm bút, nếu mọi thứ ổn định và đúng cách mà đường bút vẫn chưa đạt thì bạn nên nghỉ ngơi.

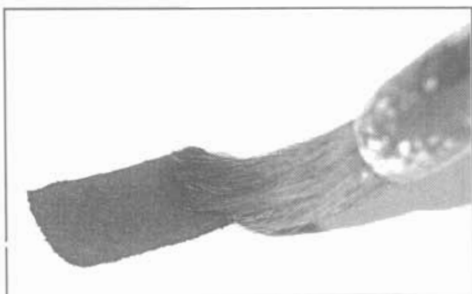


D. BÚT PHÁP

Bút pháp là những kỹ pháp được sử dụng trong quá trình vận bút ứng dụng trong việc viết chữ hoặc vẽ tranh. Viết hay vẽ tranh thủy mặc đều phải lấy bút lông làm công cụ chính và đường nét là hình thức thể hiện. Khi đưa một nét hoặc chấm một chấm, nhấc bút lên khi nhanh khi chậm, chuyển hướng bút hoặc thu bút...Tất cả những sự biến hoá trong lúc vận bút gọi là bút pháp.

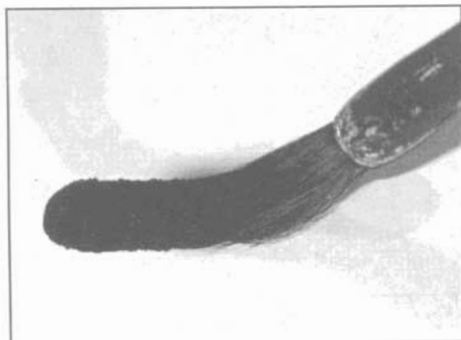
Bút pháp trong thư pháp Hán có các kỹ pháp căn bản sau mà theo chúng tôi có thể ứng dụng khi viết thư pháp Việt:

1. Phương Bút: Là nét bút vuông, nét khởi đầu và kết thúc của một nét khi di chuyển, tạo nét gấp khúc để lộ ra góc cạnh rõ rệt gọi là phương bút.



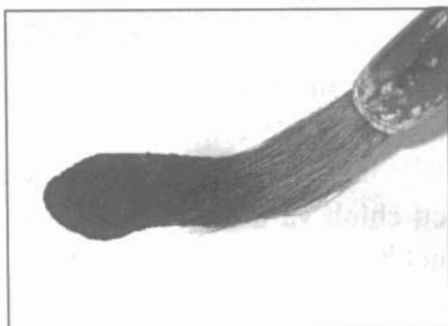
Phương bút

2. Viên Bút: Là nét bút tròn, nét bút lúc khởi đầu và kết thúc cũng như quá trình chuyển bút của một nét không tạo ra góc cạnh, nét tròn đầy gọi là viên bút.

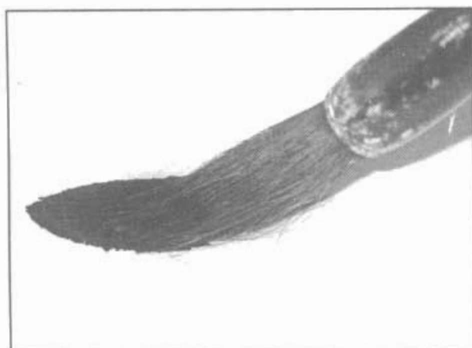


Viên bút

3. Tàng Phong: Là kỹ pháp giấu ngọn bút, nét bút lúc bắt đầu và lúc kết thúc được thu vén gọn gàng không để lộ phần đầu nhọn của bút gọi là tàng phong.



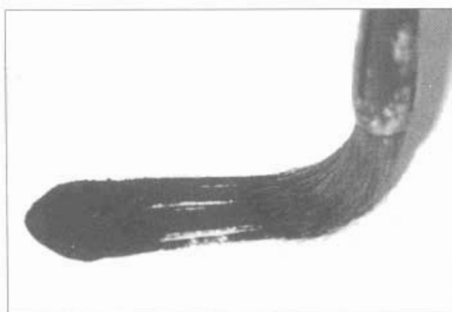
Tàng phong



Lộ phong

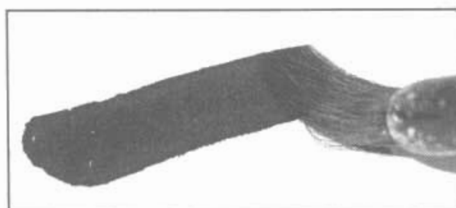
4. Lộ Phong: Nét bút lúc bắt đầu và lúc kết thúc để lộ rõ phần nhọn của bút gọi là lộ phong, thường được thể hiện trong phong thể và biến thể vì có ưu điểm là vận bút nhanh chóng.

5. Trung Phong: Là kỹ pháp vận bút mà đầu ngọn bút khi di chuyển luôn nằm ở vị trí giữa nét, mực tỏa đều ra hai bên. Lưu ý phải giữ bút ở tư thế đứng mới thực hiện được kỹ pháp này.



Trung phong

6.Thiên Phong: Là kỹ pháp vận bút mà ngọn bút và cán bút được giữ nghiên. Nét bút được chia ra làm hai phần, phần được tạo ra từ ngọn bút và phần được tạo từ bụng bút. Cho nên độ mực của hai bên sẽ không đều, bên nhiều bên ít.



Thiên phong

7. Đề và Án: Còn được gọi là nhả và nhấn. Đề là nâng ngọn bút lên khi sắp dừng một chữ hoặc chuyển bút sang một nét mới. Án là ấn bút xuống để tạo trọng tâm hoặc do thế bút.

Đề và án là hai hoạt động linh hoạt và liên tục khi vận bút, để tạo nét to nét nhỏ, độ dày mỏng đậm nhạt cho chữ.

8. Chuyển và Chiết: Chuyển là di động ngọn bút trên mặt giấy, khi chuyển bút chỉ chuyển cánh tay, ngón tay cầm bút và cán bút cố định. Bút đang di chuyển phải đổi hướng để tạo thành góc gọi là chiết.

9. Đốn và Tồn: Ngưng bút mà hơi ấn xuống gọi là đốn. Bút đang di chuyển mà hơi ấn xuống gọi là tồn.

10. Xoay bút: Trong khi vận bút di chuyển các ngón tay giữ thân bút sao cho bút xoay nhẹ, kết hợp khi di chuyển bút để tạo nét chấm tròn. Trong trường hợp ngọn bút bị tưa nhẹ ra không nhọn thì ta có thể chuyển hướng và xoay bút sao cho ngọn bút túm lại thật nhọn.

11. Liên bút: Là kỹ pháp được dùng nhiều trong phong thể và biến thể, các nét được liên kết với nhau liên tục, đôi khi ta viết một chữ hoặc nhiều chữ chỉ với một nét bút (Một nét bút chỉ được tính là liên kết các ký tự chính trong chữ, phần dấu có thể thêm bởi một nét riêng). Có chữ ta viết luôn cả phần dấu và ký tự chính chỉ với một nét. Khi liên bút kết nối giữa các nét sẽ có những nét thừa (không phải là nét chính của chữ) nét này phải được viết thật nhỏ không được phép to bằng nét chính.



Một tác phẩm sử dụng kỹ pháp Liên bút

E. CÔNG BÚT VÀ Ý BÚT

Một khi ta đã thành thạo được các kỹ pháp, các đường nét căn bản, các bố cục...và chuyển sang giai đoạn sáng tác thì ta nên để ý đến hai yếu tố: Công bút và Ý bút

1.Công bút: Khi ta dùng các kỹ pháp căn bản để thể hiện chữ hoặc tranh, ngọn bút thể hiện tác phẩm một cách sắc nét, rõ ràng theo chủ ý của tác giả gọi là công bút.



Công bút

2. Ý bút: Khi tác phẩm được thể hiện một cách phóng khoáng, các nét thể hiện không cần sắc nét tỉ mĩ. Trước khi đặt bút ta có thể có ý tưởng sẵn cho tác phẩm nhưng khi đặt bút vào giấy, ta không bị ràng buộc bởi những chủ đích đã có sẵn đó mà thuận theo thế bút, cảm hứng, quán tính mà thể hiện tác phẩm. Khi đó ta sẽ thấy những đường nét rất tự nhiên không cố tạo, những đường nét mà trước khi đặt bút ta không nghĩ đến và khó có thể thực hiện lại được lần thứ hai. Có thể hiểu ta đã đi từ ý thức chuyển sang trạng thái vô thức và từ cái vô thức đó ta đã thể hiện được cái ý thức.

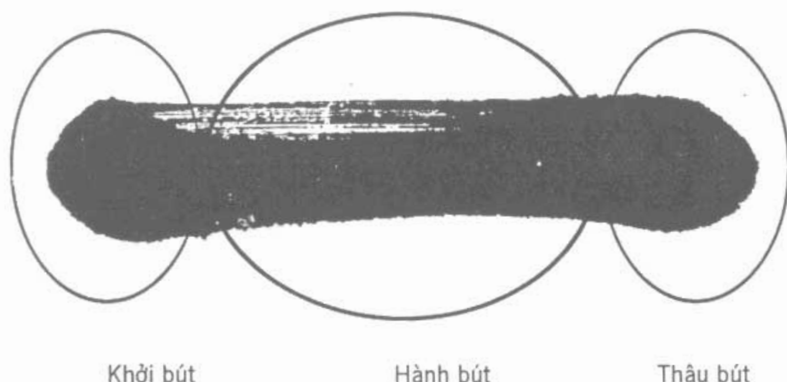


Ý bút

F. NGUYÊN LÝ VẬN BÚT

Sở dĩ các đường nét trở thành nghệ thuật thư pháp là do sự biến hóa đa dạng, trong quá trình vận bút đường nét trong từng con chữ có thể biểu thị được cảm xúc, tâm tư và tình cảm của người viết. Cũng như sự chuyển biến không ngừng, khi nặng, khi nhẹ, khi thanh khi đậm qua sự nhấn nhá của ngọn bút. Nguyên lý vận bút là quá trình vận ngọn bút lông theo những kỹ thuật nhất định để đạt được kết quả hoàn mỹ.

Một nét căn bản được chia làm ba phần: Khởi bút, hành bút và thu bút.



Khởi bút　　　Hành bút　　　Thâu bút

I. Khởi bút

Thường sử dụng kỹ pháp tàng phong và lộ phong, phương bút và viên bút (xem phần bút pháp)

<u>1.Tàng phong khởi bút:</u> Là kỹ thuật giấu ngọn bút. Khi muốn thực hiện một nét ngang từ trái qua phải thì phải hạ bút từ bên phải trở ngược qua trái, sau đó mới quay ngược lại

bên phải để tiếp tục phần hành bút. Tương tự ở nét sổ muốn đưa nét bút từ trên xuống thì phải hạ bút từ dưới hướng lên.

2.Lô Phong khởi bút: là kỹ thuật để lộ phần ngọn của bút.

3. Phương bút khởi bút: Dùng kỹ thuật thiên phong để khởi bút (để ngọn bút nghiêng).

II. Hành bút:

Trên cơ bản thì hành bút sử dụng kỹ pháp trung phong vận bút. Trong quá trình hành bút, để tâm ngọn bút bình ổn giữa nét. Trong khi khởi bút bằng thế tàng phong hay lộ phong thuận theo thế bút và hướng bút mà ấn xuống. Tốc độ hơi nhanh hơn phần khởi bút. Khi hành bút tay phải vững và có lực, nét phải đều không lệch lạc. Giữ cán bút thật thẳng, mực thấm đều hai bên để nét được đầy đặn. Trung phong hành bút là kỹ pháp rất quan trọng đòi hỏi sự khổ luyện, kỹ pháp này hầu như sử dụng đều cho các thể chữ.

Tương phản với trung phong là thiên phong, (phong nghiêng lệch). Để cán bút hơi nghiêng. Để cán bút và ngọn bút hơi nghiêng mà vận bút. Lúc này nét sẽ có bên đậm bên nhạt, mực thấm vào giấy bên thì khô ráo bên thì thấm đẫm, vì phần bụng bút chứa nhiều mực hơn phần ngọn. Có người nhúng ngọn bút vào nước cho mực ở phần ngọn thật loãng sau đó sử dụng kỹ pháp này, khi đó nét bút sẽ chuyển sắc độ từ nhạt sang đậm. Kỹ thuật thiên phong dễ tạo nét có răng cưa nên phải thật cẩn trọng khi ứng dụng.

III. Thâu bút

Vẫn sử dụng kỹ pháp tàng phong và lộ phong và viên bút.

1. Tàng phong thâu bút: Khi sắp kết thúc một nét, ngọn bút nhẹ dần về cuối nét, hướng cho ngọn bút quay trở lại phần khởi bút, hoặc cho ngọn bút đứng nhanh sau đó hướng ngọn bút quay trở lại mà thâu bút. Thâu bút khéo léo thì nét bút sẽ rõ ràng, đầu đuôi cân xứng, hình thái viên mãn đầy đặn và có lực.

2. Lộ phong thâu bút: Khi sắp kết thúc một nét thì để ngọn bút đi thẳng ra ngoài và thâu bút trên không, dồn lực vào điểm cuối cùng của nét bút.



3. Viên bút thâu bút: Khi sử dụng kỹ pháp này thì khi kết thúc nét sẽ tròn.

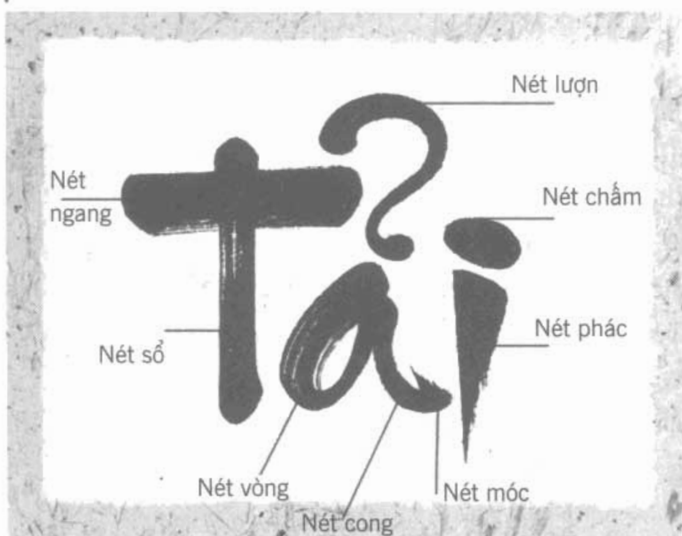
Trong quá trình vận bút từ khởi bút, hành bút và thâu bút. Thì kết hợp hai động tác đề và án tạo ra điểm nhấn và thanh đậm cho một nét.

G. CÁC NÉT CĂN BẢN TRONG THƯ PHÁP VIỆT

Để thành công ở bộ môn nghệ thuật này, việc luyện tập các nét căn bản là việc thiết yếu. Phải tốn nhiều công sức, thời gian cũng như công phu tập luyện. Đây là một quá trình đòi hỏi sự kiên nhẫn, lòng đam mê mới có thể vượt qua. Nếu tập thật vững vàng các nét căn bản có nghĩa bạn đã làm chủ được ngọn bút lông và có thể thực hành các thể chữ một cách dễ dàng.

I. TÁM NÉT CĂN BẢN:

Theo chúng tôi trong thư pháp Việt có 8 nét căn bản và để dễ nhớ chúng tôi kết tám nét này hợp thành một chữ "**TẢI**".



Nét ngang, nét sổ, nét chấm, nét phác, nét cong, nét vòng, nét lượn, nét móc.

Nét ngang 

Nét cong 

Nét sổ 

Nét vòng 

Nét chấm 

Nét lượn 

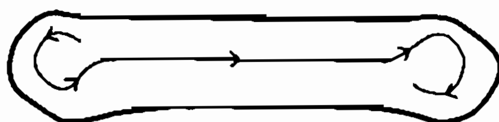
Nét phác 

Nét móc 

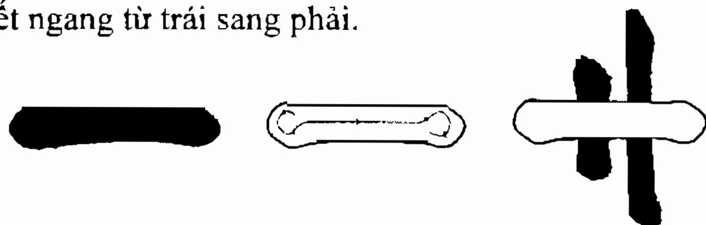
Lưu ý: Vì chữ quốc ngữ sử dụng các ký tự Latinh nên trong thực tế có vài nét thẳng nhưng được thực hiện hơi có thiên hướng cong một chút tạo sự hài hòa cho tổng thể chữ.

1. Nét ngang: Khi thực hiện nét ngang không đòi hỏi nét phải bằng như mặt nước mà có thể hơi chếch xéo lên một tí và có nét có thêm chút độ cong. Được phân chia làm 5 loại

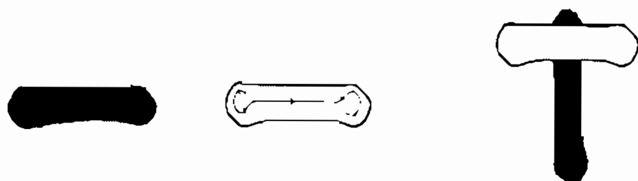
Nét ngang dài, nét ngang ngắn, nét ngang thấp, nét ngang cao, nét ngang nhọn.



1.1 Nét ngang dài: Là một nét ngang chuẩn, sử dụng các kỹ pháp khởi bút như tàng phong, lộ phong hay viên bút. Trung phong hoặc thiên phong hành bút và các kỹ pháp thâu bút như tàng phong, lộ phong hay viên bút. Hướng bút được viết ngang từ trái sang phải.



1.2 Nét ngang ngắn: Sử dụng kỹ pháp vận bút giống nét ngang dài nhưng có kích thước ngắn hơn.

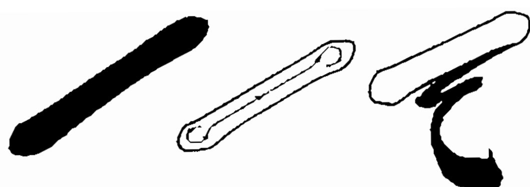


1.3 Nét ngang thấp: Sử dụng kỹ pháp vận bút giống nét ngang dài nhưng hướng bút đi từ trên cao xuống thấp và từ trái sang phải như một dấu huyền.

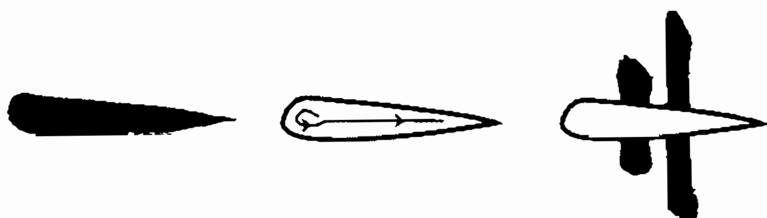


ứng dụng cho các dấu Huyền

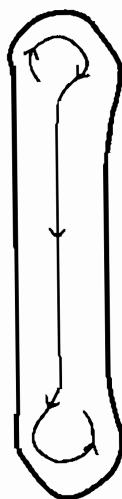
1.4 Nét ngang cao: Sử dụng kỹ pháp vận bút giống nét ngang dài nhưng hướng bút đi từ thấp lên cao và từ trái sang phải như một dấu sắc.



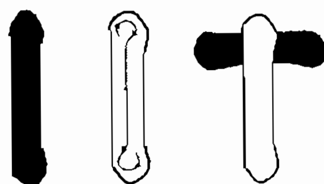
1.5 Nét ngang nhọn: Sử dụng kỹ pháp viên bút để khởi bút, trung phong hành bút và lộ phong thâu bút.



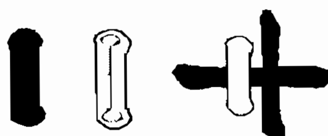
<u>2. Nét sổ:</u> (còn gọi là nét dọc) khi thực hiện nét sổ nét phải thẳng đứng tạo sự cân bằng và đĩnh đạc cho chữ. Nét sổ được phân làm 4 loại: nét sổ dài, nét sổ ngắn, nét sổ nghiêng và nét sổ nhọn.



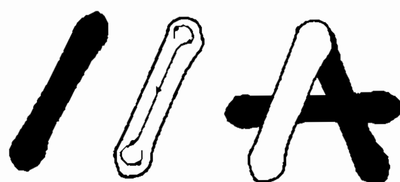
2.1 Nét sổ dài: Là một nét sổ chuẩn, sử dụng các kỹ pháp khởi bút như tàng phong, lộ phong hay viên bút. Trung phong hoặc thiên phong hành bút và các kỹ pháp thâu bút như tàng phong, lộ phong hay viên bút. Hướng bút đi từ trên xuống dưới.



2.2 Nét sổ ngắn: Sử dụng kỹ pháp vận bút giống nét sổ dài nhưng có kích thước ngắn hơn.



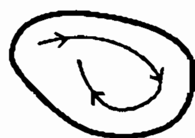
2.3 Nét sổ nghiêng: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét sổ dài, nhưng hướng bút được viết từ trên cao xuống và hơi nghiêng sang một bên (trái hoặc phải).



2.4 Nét sổ nhọn: Sử dụng kỹ pháp tàng phong khởi bút, trung phong hành bút và lộ phong thâu bút.



3. Nét chấm: Là một điểm nhỏ thường được ứng dụng vào dấu chấm của chữ "I", dấu nặng, hoặc dấu chấm câu…được chia làm 4 loại



Nét chấm tròn, nét chấm nghiêng, nét chấm giọt, nét chấm đứng.



3.1 Nét chấm tròn: Sử dụng kỹ pháp xoay bút để tạo ra một nét chấm tròn, hoặc sử dụng kỹ pháp trung phong hành bút và chuyển hướng bút theo hình tròn để tạo ra nét chấm tròn.

3.2 Nét chấm nghiêng: Sử dụng kỹ pháp lộ phong khởi bút, thế bút hơi nghiêng, hướng bút hơi đi xuống về bên phải, dùng kỹ pháp tàng phong thâu bút, không có phần hành bút.





3.3 Nét chấm giọt: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét chấm nghiêng nhưng hướng bút đi từ trên xuống dưới có dạng như một giọt nước.

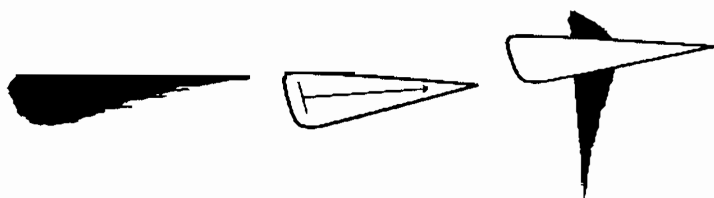
3.4 Nét chấm đứng: Thực hiện như nét sổ dọc nhưng phần hành bút cực ngắn.



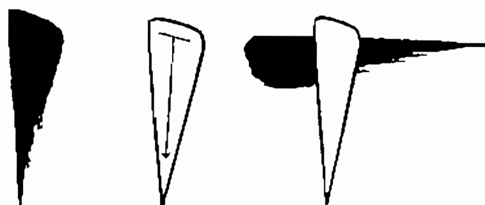
<u>*4. Nét phác:*</u> Là một nét duỗi dài, nét có hình tam giác và được tạo ra bằng kỹ thuật thiên phong. Phần đầu nét sử dụng kỹ pháp phương bút tạo nét bút vuông và phần đuôi nhọn ra theo sự kéo dài của ngọn bút. Được phân làm 5 loại: Nét phác ngang, nét phác dọc, nét phác cao, nét phác thấp, nét phác ngược.



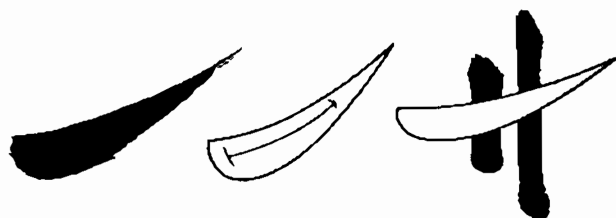
4.1 Nét phác ngang: Sử dụng kỹ pháp phương bút và thiên phong hành bút sau đó thâu bút trên không, hướng bút đi từ trái sang phải.



4.2 Nét phác dọc: Sử dụng kỹ pháp vận bút giống như nét phác ngang nhưng hướng bút đi từ trên xuống.



4.3 Nét phác cao: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét phác ngang nhưng hướng bút đi từ trái sang phải và hướng từ dưới lên trên như dấu sắc.

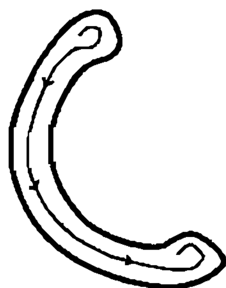


4.4 Nét phác thấp: Sử dụng kỹ pháp vận bút giống như nét phác ngang nhưng hướng bút đi từ trái sang phải và hướng từ trên xuống dưới như dấu huyền.



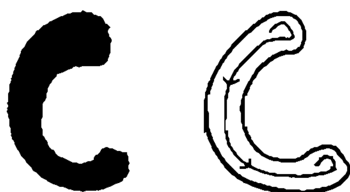
4.5 Nét phác ngược: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét phác dọc nhưng hướng bút đi từ cao xuống thấp và hướng từ phải ngược qua.



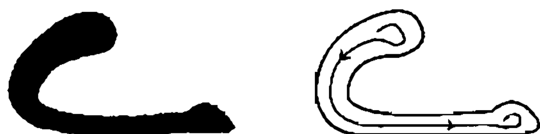


5. Nét cong: Cấu tạo của các ký tự chữ Latinh đa số là những nét cong, nên đây là những nét chúng ta cần chú ý. Được chia ra làm 9 nét với các hướng khác nhau: Nét cong ngắn, nét cong dài, nét cong cao, nét cong thấp, nét sổ cong, nét cong ngắn nhọn, nét cong dài nhọn, nét cong cao nhọn, nét cong thấp nhọn.

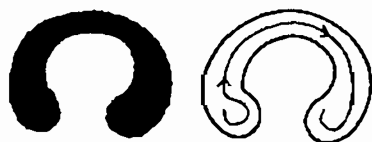
5.1 Nét cong ngắn: Sử dụng các kỹ pháp khởi bút như tàng phong, lộ phong hay viên bút. Trung phong hoặc thiên phong hành bút và các kỹ pháp thâu bút như tàng phong, lộ phong, viên bút. Hướng bút đi từ cao xuống thấp theo một đường cong, từ phải sang trái và ngược lại sang phải.



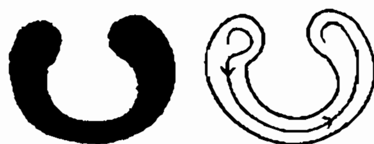
5.2 Nét cong dài: Sử dụng kỹ pháp vận bút và hướng bút như nét cong ngắn nhưng phần dưới của nét được kéo dài như một nét ngang.



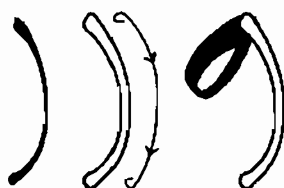
5.3 Nét cong cao: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét cong ngắn nhưng hướng bút đi từ thấp lên cao và hướng ngược lại xuống thấp theo một đường cong. Hướng bút theo hình dấu "ô"



5.4 Nét cong thấp: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét cong cao nhưng hướng bút đi từ cao xuống thấp và hướng ngược lại lên cao theo một đường cong. Hướng bút theo hình dấu "ă"



5.5 Nét sổ cong: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét sổ dài, nhưng khi hướng bút từ trên xuống có hơi hướng cong về bên phải rồi hướng ngược lại sang trái.



5.6 Nét cong ngắn nhọn: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét cong ngắn nhưng phần thâu bút thì thâu trên không.



5.7 Nét cong dài nhọn: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét cong dài nhưng phần thâu bút thì thâu trên không.



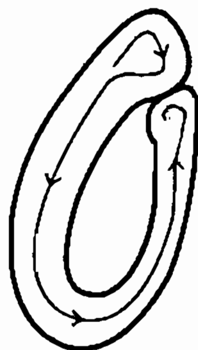
5.8 Nét cong cao nhọn: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét cong cao nhưng phần thâu bút thì thâu trên không.



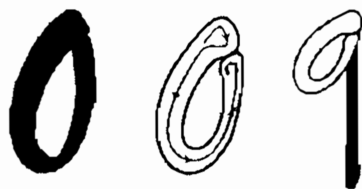
5.9 Nét cong thấp nhọn: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét cong thấp nhưng phần thâu bút thì thâu trên không.



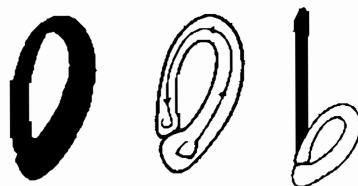
<u>**6. Nét vòng:**</u> Là một nét cong được nối điểm đầu và điểm cuối lại với nhau, được phân làm 3 loại: Nét thuận vòng, nét nghịch vòng, nét thuận vòng nhọn.



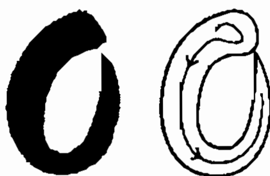
6.1 Nét thuận vòng: Sử dụng các kỹ pháp khởi bút như tàng phong, lộ phong hay viên bút. Trung phong hoặc thiên phong hành bút và các kỹ pháp thâu bút như tàng phong, lộ phong, viên bút. Hướng bút đi theo dạng chữ "o" từ trái vòng xuống và hướng nhẹ sang trái, sau đó đi ngược lên theo hướng phải đến phần thâu bút thì hướng nhẹ sang trái. Điểm khởi bút và thâu bút trùng hoặc nằm cạnh nhau.



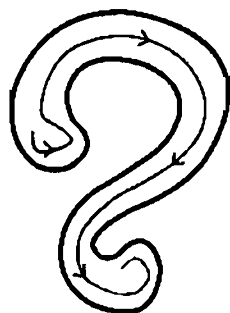
6.2 Nét nghịch vòng: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét thuận vòng nhưng theo hướng từ dưới lên trên và vòng ngược trở lại điểm khởi bút. Nét nghịch vòng nhìn tổng thể có hướng hơi nghiêng xéo về bên phải.



6.3 Nét thuận vòng nhọn: Sừ dụng kỹ pháp vận bút như nét thuận vòng nhưng phần thâu bút thì thâu trên không.



7. Nét lượn: Là nhiều nét cong kết hợp lại, được chi làm 7 loại: Nét sổ lượn, nét ngang lượn, nét sổ lượn dọc, nét ngang lượn nhọn, nét lượn thuận vòng, nét phác lượn thuận vòng, nét lượn ngược vòng.



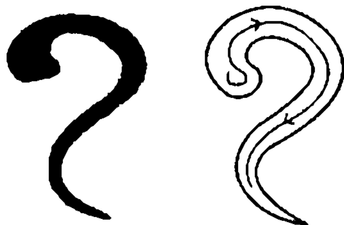
7.1 Nét sổ lượn: Sử dụng kỹ pháp tàng phong hay viên bút khởi bút, trung phong hành bút và tàng phong hay viên bút thâu bút. Hướng bút đi theo hình dấu hỏi.



7.2 Nét ngang lượn: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét sổ lượn nhưng hướng bút đi theo hình dấu "ngã".



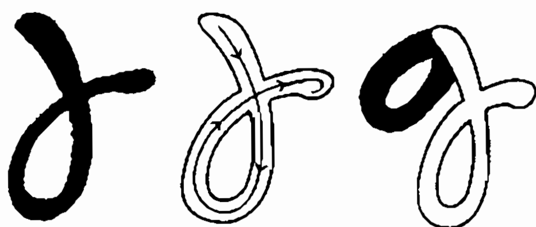
7.3 Nét sổ lượn nhọn, sử dụng kỹ pháp vận bút như nét lượn dọc nhưng phần thâu bút thì thâu trên không.



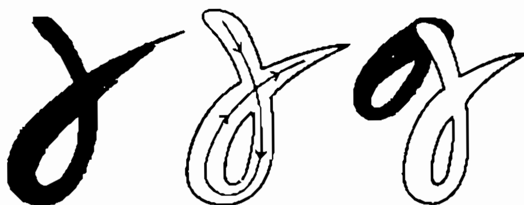
7.4 Nét ngang lượn nhọn: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét ngang lượn nhưng phần thâu bút thì thâu trên không.



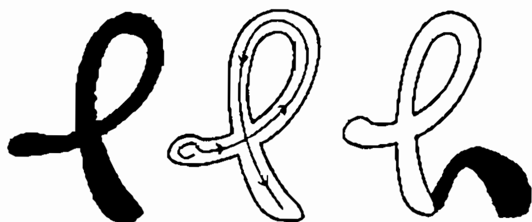
7.5 nét lượn thuận vòng: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét sổ cong nhưng khi hướng bút đi từ cao xuống thấp sẽ chuyển ngược sang trái và hướng lên trở lại, cắt ngang phần hành bút và thâu bút phía bên phải của nét.



7.6 Nét phác lượn thuận vòng: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét lượn thuận vòng nhưng ở phần chuyển bút hướng ngược lên trên thì đổi sang kỹ pháp xoay bút và nhấn nhẹ ngọn bút tạo nét dầy hơn và thâu bút trên không.



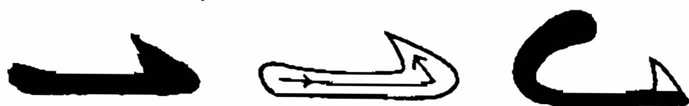
7.7 Nét lượn ngược vòng: Sử dụng kỹ pháp vận bút như nét lượn thuận vòng nhưng hướng bút đi lên cao theo hướng cong sang phải sau đó quay ngược lại hướng khởi đầu theo đường cong tiếp nối, cắt ngang phần hành bút và thâu bút bên dưới của nét.



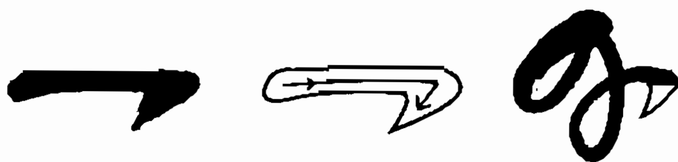
<u>8. Nét móc:</u> Là một nét đá nhỏ theo hướng ngược lại khi kết thúc một nét, được chia làm 4 loại: Nét móc cao, nét móc thấp, nét móc trái, nét móc phải.



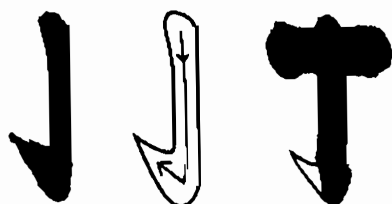
8.1 Nét móc cao: Là một nét phác nhỏ hướng lên trên sau khi kết thúc một nét.



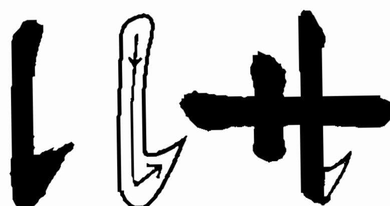
8.2 Nét móc thấp: Là một nét phác nhỏ hướng xuống dưới sau khi kết thúc một nét.



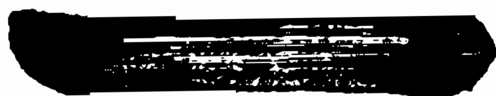
8.3 Nét móc trái: Là một nét phác nhỏ hướng lên trên và nằm bên trái của một nét khi kết thúc.



8.4 Nét móc phải: Là một nét phác nhỏ hướng lên trên và nằm bên phải của một nét khi kết thúc.



NÉT SƯỚT: Còn gọi là "phi bạch", là những khoảng trắng nằm trong một nét. Được tạo ra trong quá trình vận bút, ngọn bút bị tách ra khi tiếp xúc với mặt giấy, những khoảng hở giữa các sợi lông bút sẽ tạo ra nét sướt.



Nét sướt tạo sự khác biệt và đặc trưng của chữ, không thể cố tình tạo ra những nét sướt giống nhau được. Nét sướt phải tự nhiên và không cố ý tạo thành. Có người cố tình chấm mực thật ít và đặc để ngọn bút thiếu mực khi tiếp xúc với giấy do không đủ mực thấm vào giấy sẽ tạo ra nét sướt,

nhưng khi đó chữ sẽ bị trắng, thiếu mực nét không đầy rất yếu.

"Nét "Phi bạch" chính hiệu phải hòan toàn do bút ướt viết ra, nó có tính cách rắn, mạnh và nhuần nhuyễn tràn đầy sinh khí. Tôi đã thấy những tranh chữ đầy ắp "Phi bạch" giống như những đường gió quét răng lược trên bãi sa mạc, như vậy chỉ tạo cảm giác khô khan cho khách thưởng lãm mà thôi" (Trương Lộ- Quan niệm và sự khổ luyện trong thư pháp. Tăng Húc Giai dịch. Trích từ "Chữ Tâm trong thư pháp" của Vũ Thụy Đăng Lan)



Nét sướt tự nhiên



Nét sướt cố tạo

H. CÁC NÉT VÀ CÁC CHỮ DỊ TẬT

Trong khi tập luyện và thực hành các nét, những lỗi sau đây thường mắc phải:

- Nét sổ có hai đầu như lóng tre





- Nét ngang dài ốm và cong như đòn gánh



- Nét ngang dài có hai đầu như khúc xương.



- Nét sổ cong bị gượng



- Nét ngang ngắn trông như một đọan cây gẫy.

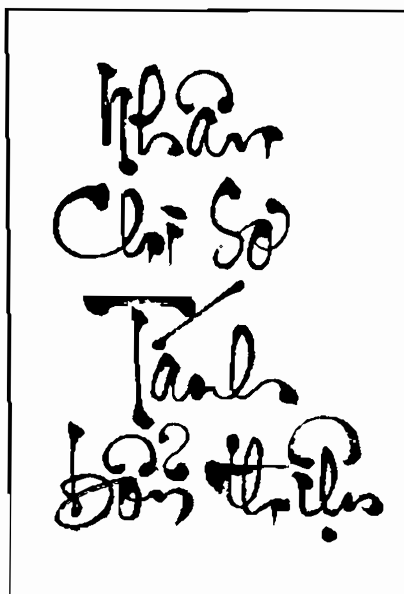
- Nét cong và nét lượn không tự nhiên, nét bị sượng.

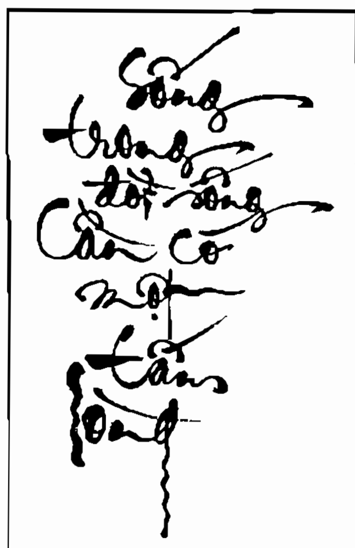




- Nét phác có điểm khởi bút to nhưng phần thâu bút nhỏ và nhọn như đuôi chuột.

Các bạn nên tránh tạo cho nét chữ của mình phần hành bút thì mỏng manh yếu ớt nhưng những phần khởi bút và thu bút tạo thành những nét chấm rất khó coi, sự chuyển biến của các nét quá đột ngột không có bước chuyển tiếp.



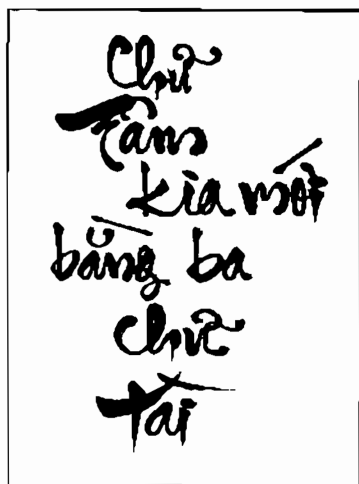




Trong một tác phẩm có quá nhiều nét thừa lập lại như nét móc, nét cong dài và những nét do cố tình "tô vẽ" tạo thêm sự sinh động, nhưng sự lập lại ấy tạo cho chữ như bị dị tật, bố cục rối rắm. Ngoại trừ những nét ấy phù hợp với nội dung của tác phẩm.

Độ cao thấp, kích thước của các ký tự trong một chữ hoặc các chữ với nhau không nên quá đều nhau. Khi đó trông chữ như là một font chữ trong máy vi tính.

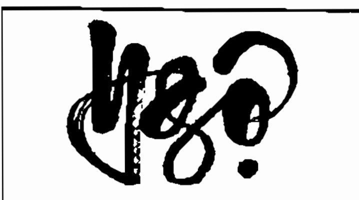
Trong quá trình sáng tác chúng ta vô tình tạo những nét chữ sai lệch mà đôi khi ta không hề hay biết. Đây là vài ví dụ thường gặp:

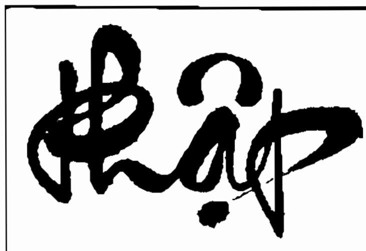




Chữ "N" đầu tiên của chữ "Nhẫn" giống như chữ "Y", chữ "N" cuối cùng giống như chữ "U". Chữ "N" và chữ "U" là hai ký tự dễ gây nhầm lẫn, nhiều người viết hai ký tự này không có sự phân biệt rõ ràng.

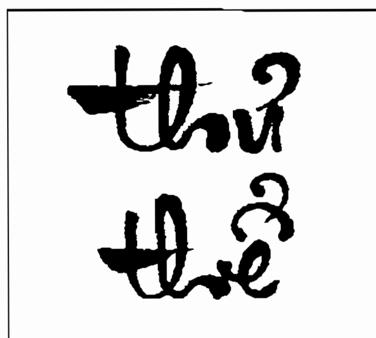
Chữ "N" đầu tiên của chữ "Ngộ" giống như chữ "H", chữ "Ô" trông như chữ "Ơ".

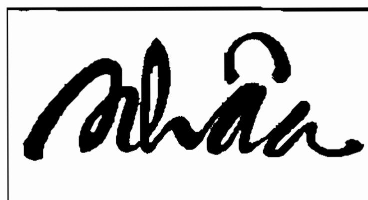




Chữ "Phật" có chữ "T" cuối cùng do liên bút với dấu nặng nên dễ đọc thành chữ "P", ta dễ dàng đọc thành chữ "Phập".

Dấu "Hỏi" và dấu "Ư" nên phân biệt rõ ràng, viết như thế này "Thư thể" có thể đọc thành "Thủ thể"





Chữ "N" đầu tiên của chữ "Nhẫn" giống như chữ "M", chữ "N" cuối cùng giống như chữ "A" đây là lỗi có nhiều người phạm nhất. Khi viết "Thủy thể", do cấu trúc đặc biệt của lối chữ này nên ta có thể chấp nhận nét này ở "Thủy thể".

Đây là những lỗi mà nhiều người khi mới tập viết và ngay cả những người viết thâm niên đôi khi cũng vướng phải những điểm này vì họ không thể thấy được chính bản thân mình. Bạn nên lắng nghe những góp ý chân thành của người xem và nhìn nhận ra những khuyết điểm của mình để khắc phục.

I. LUYỆN KÝ TỰ

Xin giới thiệu một số ký tự mẫu mà các bạn có thể tham khảo:

A.

B.

C.

D.

E.

F.

G.

H.

I.

J.

K.

L.

M.

N.

O.

P.

Q.

R.

S.

T.

U.

V.

W.

X.

Y.

Z.

Dấu sắc

Dấu huyền

Dấu hỏi

Dấu ngã

Dấu nặng

Dấu Ô Dấu Ă Dấu Ư

1234567890

Số thứ tự

PHẦN III

A. THƯ THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH 5 THỂ CHỮ

Từ giai đoạn hình thành và phát triển thư pháp Việt đến nay đã có rất nhiều tên tuổi nhà thư pháp được biết đến. Mỗi người mang một phong cách một lối chữ riêng. Nhưng qua phân tích và tổng kết lại vẫn có thể quy các lối viết ấy thành 5 thể chữ. Đáng tiếc rằng mỗi thư pháp gia chỉ quen với một hoặc hai thể chữ duy nhất, thiếu sự nghiên cứu tìm hiểu và chỉ viết theo cảm tính, theo kinh nghiệm cá nhân chứ không theo một bài bản nhất định. Điều này gây hạn chế cho những người muốn tìm hiểu và học bộ môn này. Những người đến học chỉ bắt chước và viết được phong cách chữ giống thầy theo kinh nghiệm nghề truyền nghề.

Thư pháp Việt mang tính chất kế thừa và phát huy từ nền thư pháp lâu đời của Trung Hoa nên cũng chia ra làm 5 thể chữ với các tên gọi như: Điền, Thuỷ, Mộc, Phong, Biến.



Chữ "Nhẫn" được thể hiện bằng 5 thể chữ

Điền thể

Thủy thể

Mộc thể

Phong thể

Biến thể

Điền thể: Có thể được xem như chữ triện của Trung Hoa. Chữ triện là một trong những lối chữ có rất lâu đời và sớm nhất trong 5 thể chữ. Theo chúng tôi điền thể được xem là nghệ thuật chơi chữ Quốc ngữ gần như đầu tiên sau khi chữ quốc ngữ ra đời và được phổ biến. Điền thể và triện thư có kỹ pháp vận bút gần giống nhau, có loại điền thể mô phỏng theo phong cách của chữ triện của Trung Hoa.

Thuỷ thể: Cũng như điền thể là một lối chữ mô phỏng theo cách viết của người Trung Hoa, không viết chữ theo chiều ngang thông thường vốn có của chữ Việt mà viết dọc từ trên xuống.

Mộc thể: Được xem là tương ứng với khải thư, vì đều là hai phong cách viết căn bản, rõ ràng, chân phương và dễ đọc. Kết cấu từ 8 nét căn bản mà thành.

Phong thể: Phong thể và hành thư đều là lối viết chữ nhanh, các nét được tối giản và nối với nhau, mang tính chất sáng tạo cao và phóng khoáng.

Biến thể: Biến thể và thảo thư được xem là tương ứng với nhau. Cả hai lối đều vận bút rất nhanh chóng, đường nét giản lược sử dụng nhiều kỹ pháp liên bút. Mang tính chất sáng tạo mang nhiều cảm hứng.

Một khi am tường cả 5 thể chữ giúp ta có thể định hướng được phong cách sáng tác phù hợp và thích hợp cho nội dung của tác phẩm. Có những nội dung cần phải thể hiện theo lối điền thể để treo trang trọng trong đền chùa. Có những nội dung câu đối đôi khi cần phải áp dụng thuỷ thể. Có nội dung nghiêm túc cần phải viết mộc mạc giản dị, dễ

đọc, dễ truyền tải đến người xem. Có những nội dung phải viết một cách phóng khóang lãng mạn sáng tạo, lại có những nội dung cần thể hiện cái thần cái khí mạnh mẽ bộc lộ rõ cá tính và sự sáng tạo cao độ thì ta lại dùng biến thể.

Tuy vậy mỗi nhà thư pháp sẽ có một thể chữ sở trường riêng của mình. Nhưng điều hạn chế là có người khi thành thạo được phong thể hoặc biến thể thì không thể viết mộc thể mang tính chất chân phương và quy cách được.



I. ĐIỀN THỂ

Điền thể là lối chữ mô phỏng chữ Trung Hoa, cách chơi chữ này ra đời sau khi có chữ Quốc ngữ. Điền thể được sử dụng nhiều trong các liễn đối, hoành phi được điêu khắc tỉ mỉ và treo trong các đền chùa…



Đặc điểm của lối chữ này là các đường nét được sắp xếp gọn gàng trong một bố cục hình vuông, tròn hay chữ nhật. Các chữ được sắp xếp theo thứ tự từ trên xuống dưới và từ trái qua phải theo nguyên tắc bút thuận của chữ viết Trung Hoa. Kỹ thuật vận bút được dùng trong điền thể là viên bút khởi bút, trung phong hành bút và viên bút thâu bút. Các nét đều nhau từ đầu đến điểm kết thúc không có điểm nhấn ở hai đầu. Ngoại trừ một vài phong cách điền thể mô phỏng theo các thể chữ khác của Trung Hoa thì có nhấn nhá và có sử dụng các kỹ pháp khác.

Điền thể có hai loại: Điền thể mô phỏng chữ "Triện" của Trung Hoa và điền thể mô phỏng chữ "Chân" của Trung Hoa.

Có 3 nét chính thường sử dụng trong điền thể là nét ngang, nét sổ và nét cong.

Khi viết điền thể phải sắp xếp các nét với nhau một cách cân bằng hợp lý, phân bố chặt chẽ và đều nhau, không dồn về một góc. Các chữ được sắp xếp xen kẽ nhưng không chồng lên nhau. Trong điền thể, nét gạch ngang tượng trưng cho dấu huyền, nét sổ dọc tượng trưng cho dấu sắc.

Để viết được điền thể, bước đầu phải tập nhuần nhuyễn ba nét căn bản, sau đó chọn một mẫu chữ đơn giản ít ký tự mà tập theo. Dùng giấy có in hoặc kẽ những ô vuông hay tròn và tập phân bố chữ. Dần dần tập các chữ có nhiều ký tự và phức tạp hơn đến khi nhuần nhuyễn và tạo được một thói quen phản xạ khi phân bố nét trong điền thể mà không cần đến ô kẻ sẵn.

Một số tác phẩm tham khảo Điền thể mô phỏng chữ Triện của Trung Hoa



“Thây mâu thuẫn cũng từ nhân quả
Thấy lỗi người trong có lỗi ta
Tâm vững chãi lòng yên chẳng động
Tâm không chấp muộn phiền buông ra”
Đăng Học

Nam Mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà la ni. Nam mô hắc ra đát
na đa ra dạ da. Nam mô a rị da, bà lô yết đế, thước bát ra
da. Bồ đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô
ni ca da. Án tát bàn ra phạt duệ, số đát na đát tỏa. Nam mô tất
kiết lật đỏa, y mông a rị da, bà lô kiết đế, thất Phật ra lăng đà
bà. Nam mô na ra cẩn trì hê rị, ma ha bàn đa sa mế, tát bà
a tha đậu du bằng, a thệ dựng, tát bà tát đa, na ma bà già, ma
phạt đạt đậu, đát điệt tha. Án, a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế,
di hê rị, ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra,
ma hê ma hê, rị đà dựng, cu lô cu lô, kiết mông, độ lô độ lô,
phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế, đà ra đà ra, địa rị ni,
thất Phật ra da, dá ra dá ra, ma mạ phạt ma ra, mục đế lệ, y
hê di hê, thất na thất na, a ra sâm, Phật ra xá lợi, phạt sa phạt
sâm, Phật ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị,
ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, bồ đề dạ bồ đề
dạ, bồ đà dạ bồ đà dạ, di đế rị dạ, na ra cẩn trì, địa rị
sắc ni na, ba dạ ma na, ta bà ha. Tất đà dạ, ta bà ha. Ma
ha tất đà dạ, ta bà ha. Tất đà du nghệ, thất bàn ra dạ, ta bà
ha. Na ra cẩn trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta bà ha. Tất ra
tăng a mục khê da, ta bà ha. Ta bà ma ha, a tất đà dạ, ta
bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma kiết tất
đà dạ, ta bà ha. Na ra cẩn trì bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma
bà lợi thắng yết ra dạ, ta bà ha. Nam mô hắc ra đát na, đa ra
dạ da. Nam mô a rị da, bà lô kiết đế, thước bàn ra dạ, ta bà
ha. Án, tất điện đô, mạn đa ra, bạt đà dạ, ta bà ha. 卐

Chú Đại Bi (sưu tầm tại chùa Ấn Quang)

Nam Mô Bát Nhã Hội Thượng Phật Bồ Tát

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh. Quán Tự Tại Bồ Tát
hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không,
độ nhất thiết khổ ách. Xá Lợi Tử, sắc bất dị không, không bất dị
sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ, tưởng, hành, thức diệc phục
như thị. Xá Lợi Tử, thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất
cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ,
tưởng, hành, thức, vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, vô sắc, thanh, hương, vị,
xúc, pháp, vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh, diệc
vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận, vô
khổ, tập, diệt, đạo, vô trí diệc vô đắc, dĩ vô sở đắc cố, Bồ
Đề Tát Đỏa y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, tâm vô quái ngại,
vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu
cánh Niết Bàn. Tam thế chư Phật, y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố,
đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Cố tri Bát Nhã Ba
La Mật Đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú,
thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư. Cố
thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú, tức thuyết chú viết: Yết đế yết
đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề Tát Bà Ha.

Kinh Bát Nhã (Sưu tầm tại chùa Ấn Quang)



Tác phẩm của Trần Quốc Ấn



Tác phẩm của Đăng Học

Một số tác phẩm tham khảo Điền thể mô phỏng chữ Chân của Trung Hoa



Tác phẩm của Trần Quốc Ấn



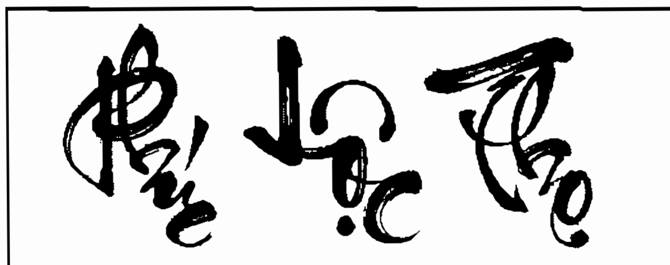
Tác phẩm của Lê Hài

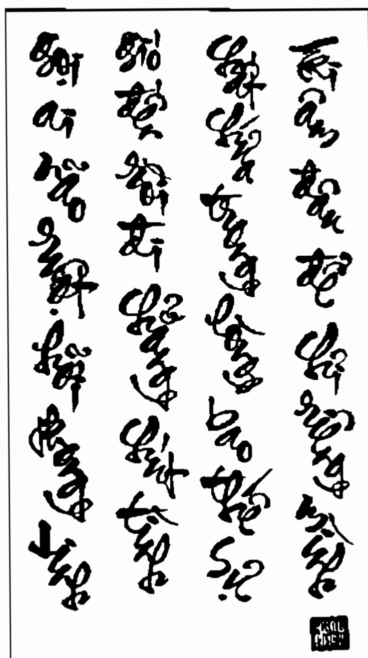


Tác phẩm của Đăng Học

II. THỦY THỂ

Là một lối chữ viết mô phỏng theo lối viết của người Trung Hoa xưa giới thư pháp gọi là "Tuyến Điều". Gọi là thuỷ thể vì cách viết chữ không theo thứ tự chiều ngang mà được viết theo chiều dọc từ trên xuống, thể chữ này có dạng như một ngọn thác đang tuôn chảy.





Lối vận bút của thủy thể hơi nhanh và các nét được nối nhau như phong cách của "phong thể". Khi viết thủy thể mà vận bút theo phong cách của "Biến thể" thì ta gọi là "Biến thủy thể".

Điểm khó khi viết thủy thể là làm sao phân bổ các chữ theo chiều dọc mà chữ không bị xéo sang hướng bên phải. Có chữ mang ít ký tự, có chữ lại mang nhiều ký tự, nên trong thể chữ này nét sổ thường viết thành nét xéo.

Một số tác phẩm tham khảo:







Tác phẩm của Đăng Học



Tác phẩm của Đăng Học



Vạn thiện phúc kim
lai nhập môn trạch

Tuấn Phương Electric Equipment
Joint Stock Company



Tác phẩm của Thanh Sơn



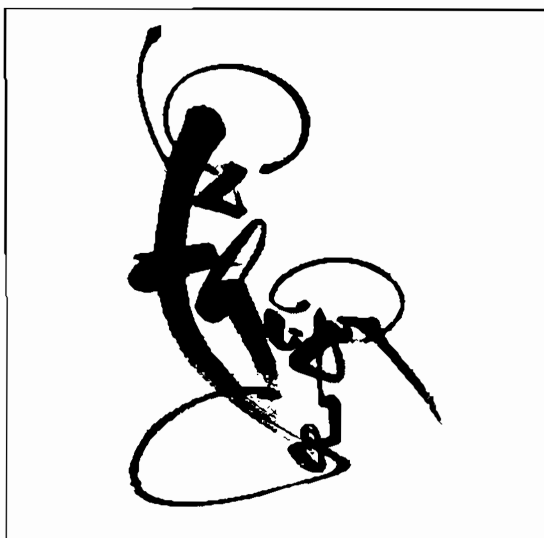
Tác phẩm của Thanh Sơn



Tác phẩm mang phong cách Biến thủy thể của Hồ Công Khanh



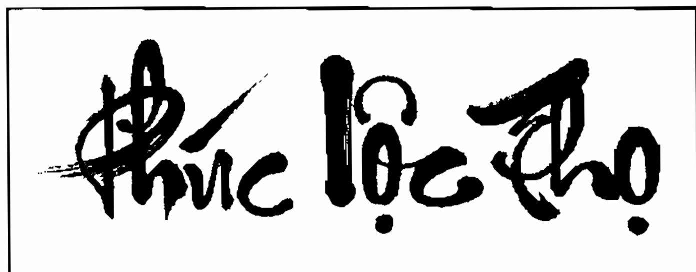
Tác phẩm mang phong cách Biến thủy thể của Văn Hải



Tác phẩm mang phong cách Biến thủy thể của Lê Đông

III. MỘC THỂ

Là lối chữ viết chân phương, mộc mạc, chậm rãi. Chữ được kết cấu từ 8 nét cơ bản của chữ "Tải" hợp thành (ngang, sổ, chấm, phác, cong, vòng, lượn, móc). Mỗi nét được viết tách rời chỉn chu, viên mãn theo đúng từng kỹ pháp. Có thể có vài nét trông như viết dính nhau nhưng khi chấp bút vẫn viết rời ra từng nét và kết hợp lại thành ký tự hay thành chữ.

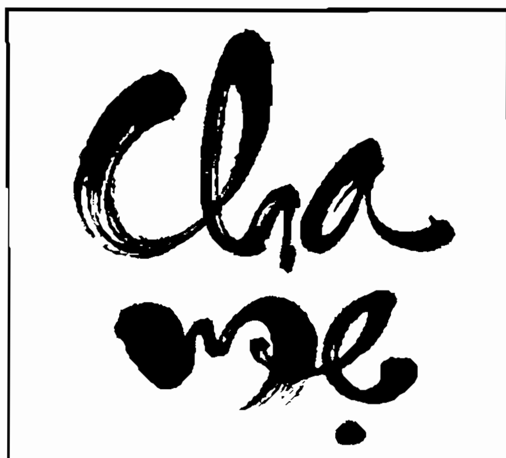


Nét chữ mộc thể rõ ràng ngay ngắn, nghiêm túc, dễ đọc dễ cảm nhận. Đây là lối chữ căn bản để luyện tập thư pháp. Có nhiều nhà thư pháp khi thành thạo phong thể và biến thể rồi, quen viết phóng túng nên khi quay lại viết mộc thể theo khuôn khổ thì rất khó vì không quen tay.

Mộc thể là lối chữ áp dụng tất cả các nguyên lý vận bút và bút pháp căn bản như: Phương bút, viên bút, tàng phong, lộ phong, trung phong, thiên phong… (ngoại trừ kỹ pháp liên bút)

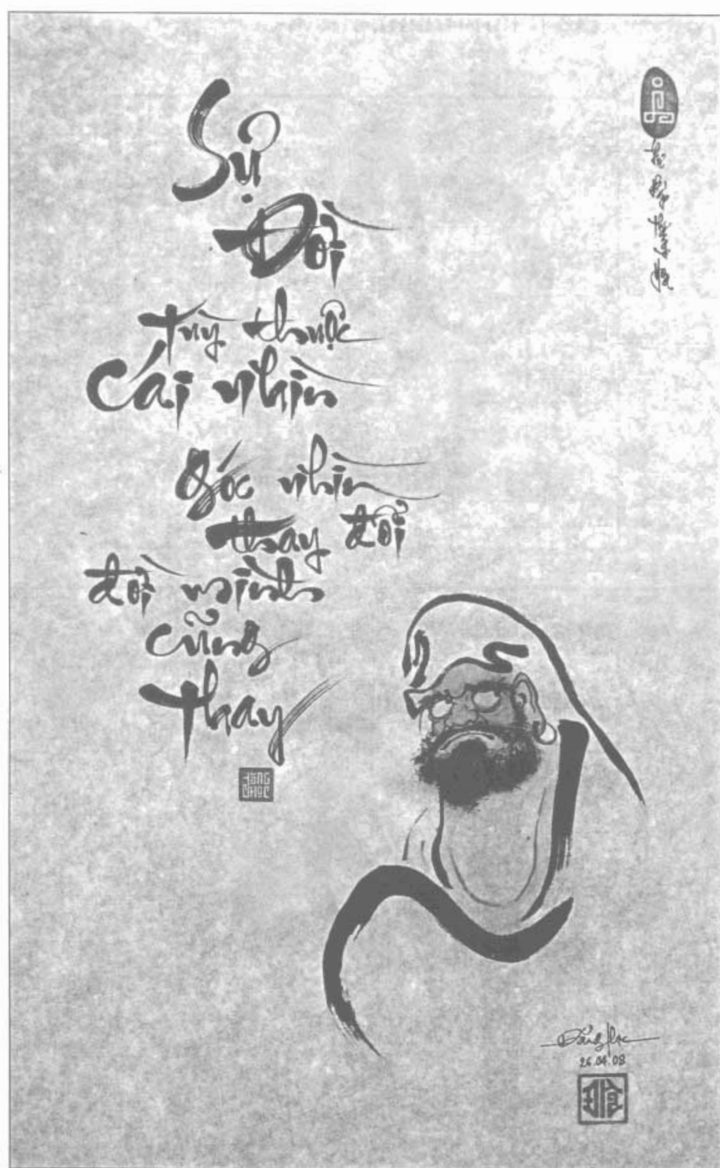
Nên chú ý rằng tốc độ khi viết mộc thể là vừa phải, tay thật vững không vận bút quá nhanh, các nét phải được viết thật chuẩn đầy đủ và rõ ràng.

Một số tác phẩm tham khảo:





Tác phẩm của Đăng Học



Tác phẩm của Đăng Học

Nửa đường trông lại thân mình
Công danh chưa trả duyên tình còn vương







13.05.08

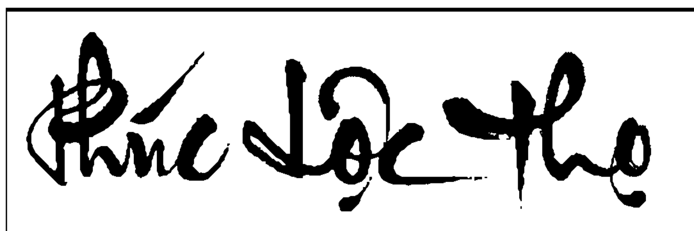
Tác phẩm của Đăng Học



Tác phẩm Mộc thể, thể hiện Ý bút của Nông Sinh

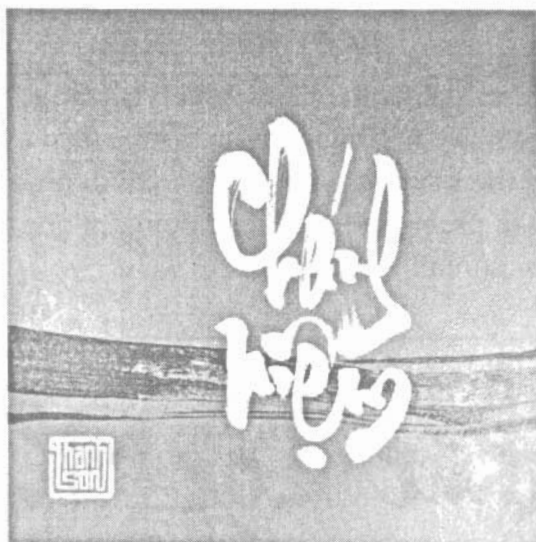
IV. PHONG THỂ

Là lối viết chữ nhanh, được ví là nhanh như gió. Phong thể được xem là chữ trung gian giữa mộc thể và biến thể. Khi viết phong thể mà còn giữ nét đoan chính bình ổn như mộc thể thì gọi là phong mộc. Còn sơ động, phóng túng gần với biến thể thì gọi là Phong biến.



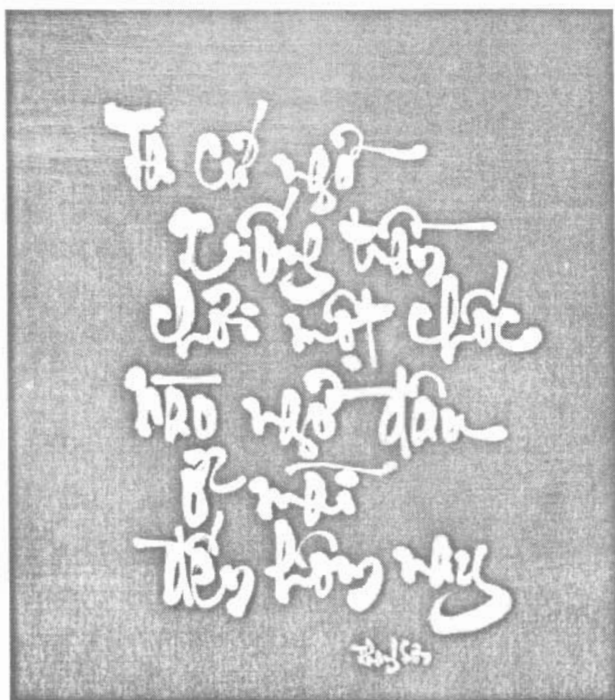
Phong thể được phát triển từ mộc thể nhưng được diễn tả bằng đường bút linh lợi, cảm hứng nghệ thuật dâng trào. Phong thể là thể thư được ưa thích vì nó vừa có công năng thực dụng, không khó đọc, dễ truyền tải được nội dung tác phẩm đến người xem hơn biến thể, vừa mang tính nghệ thuật và cảm xúc của người viết nhiều hơn mộc thể.

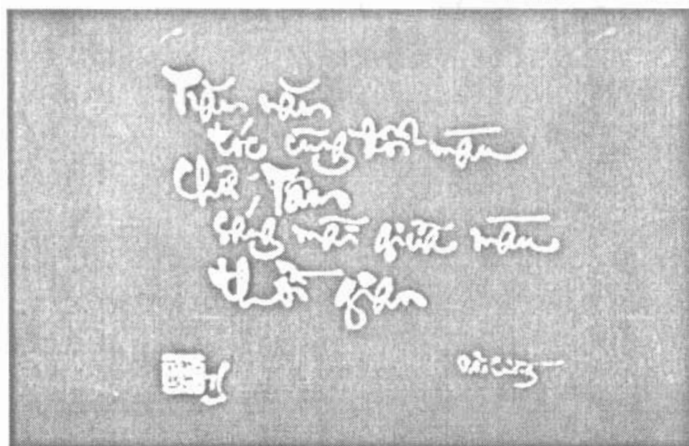
Phong thể khác với mộc thể ở chỗ hành bút nhanh chóng, nét bút khởi đầu lớn sau đó nhỏ dần, tiết tấu mạnh mẽ. So với biến thể thì nét bút của phong thể tuy liên kết và có sự giản lược nét nhưng các chữ vẫn độc lập và đọc được.





Tác phẩm của Thanh Sơn

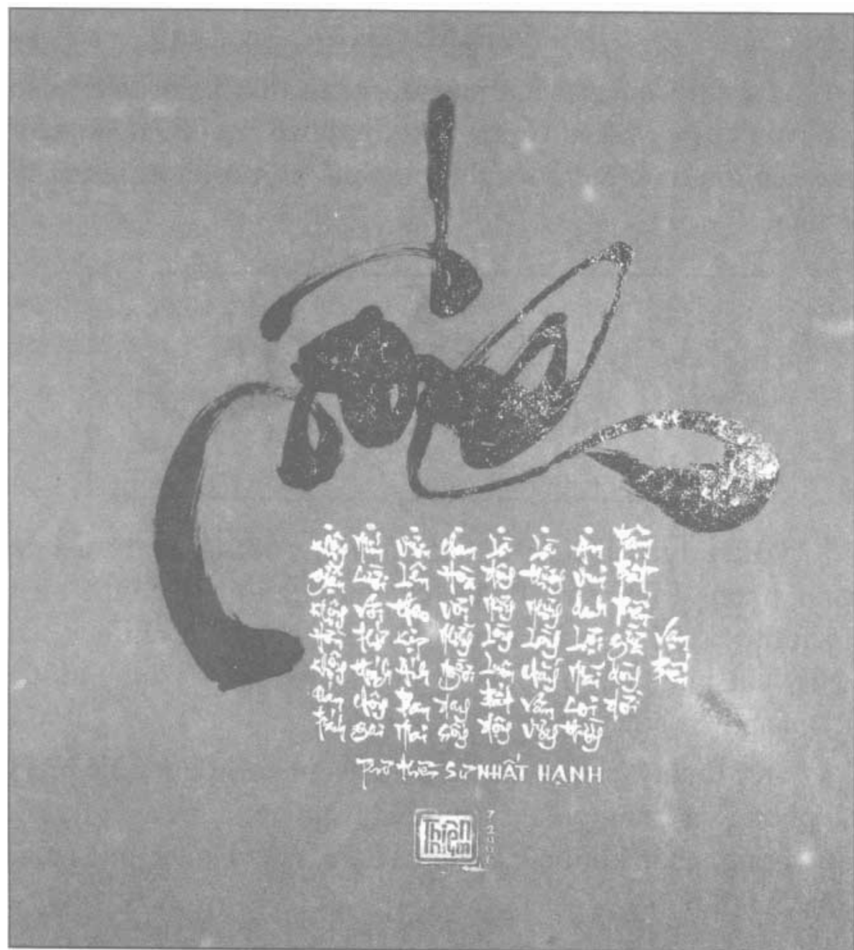




Tác phẩm của Thanh Sơn



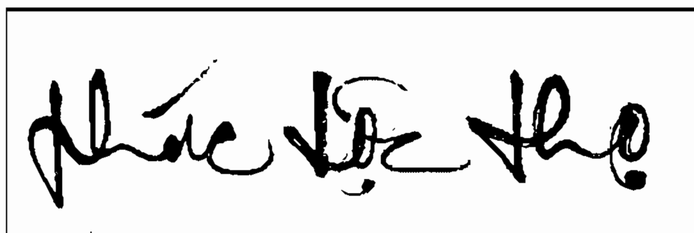
Tác phẩm của Thiện Niệm



Tác phẩm của Thiện Niệm

V. BIẾN THỂ

Là thể chữ vận bút nhanh, mang tính nghệ thuật cao với vẻ đẹp bay bổng. Người viết thư pháp lão luyện lâu năm mới có thể thực hiện nét chữ biến thể một cách lưu hoạt tự nhiên.

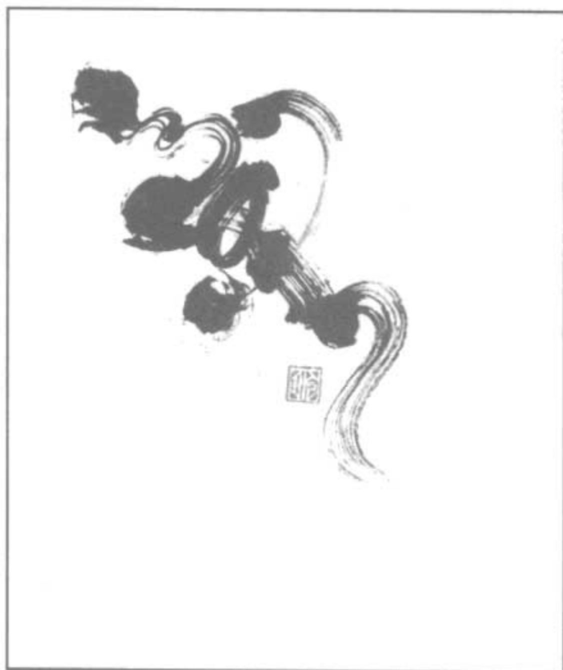


Biến được hiểu ở đây là sự thay đổi con chữ theo cá tính, phong cách, sự sáng tạo của mỗi người. Ta có thể hiểu biến thể là một lối chữ được viết giản lược nét, chỉ nêu lên đại ý của văn tự còn gọi là "ý bút". Biến thể sử dụng nhiều kỹ pháp liên bút.

Kỹ thuật vận bút của biến thể đa phần sử dụng kỹ pháp lộ phong và trung phong hành bút. Các nét được viết tương đối mỏng, phần khởi bút thì to và đậm, nhỏ dần về phía hành bút và thu bút.

Điểm chú ý chung của phong thể và biến thể là khi liên bút hoặc giản lược bớt nét, chỉ nêu lên ý chính của chữ điều này dễ gây nhầm lẫn và khó đọc. Nên cẩn trọng khi giảm lược nét phải hợp lý, có trường hợp tác giả viết theo ý mình nhưng người thưởng ngoạn lại nhìn ở góc độ khác và hiểu sang một ý nghĩa sai lệch với ý tác giả.



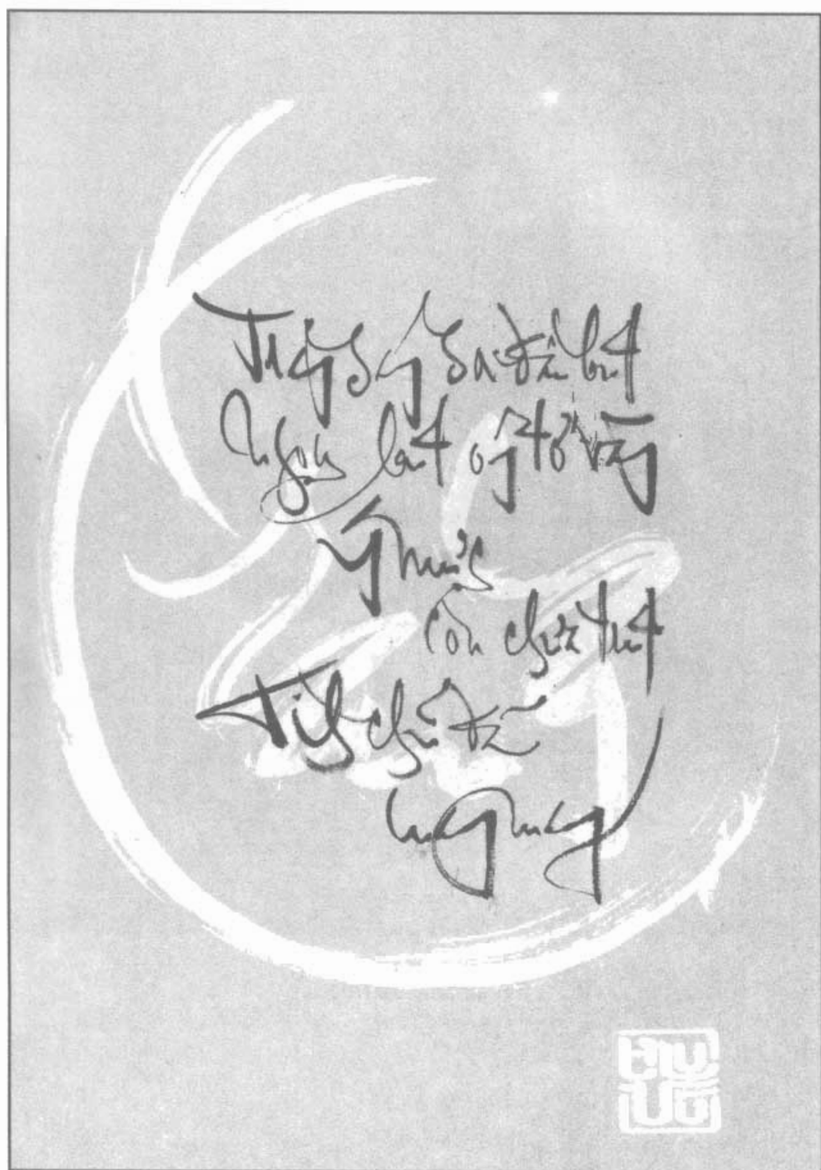


Tác phẩm Đăng Học

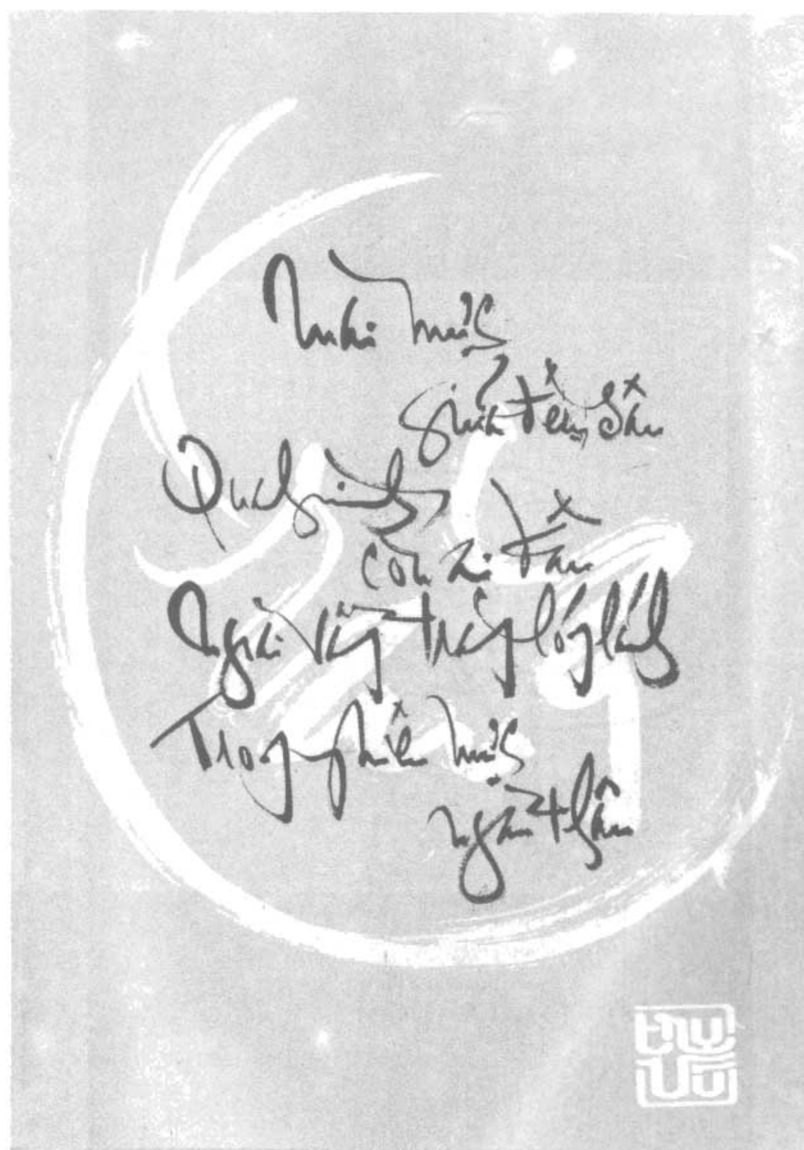
Tác phẩm của Mỹ Lý



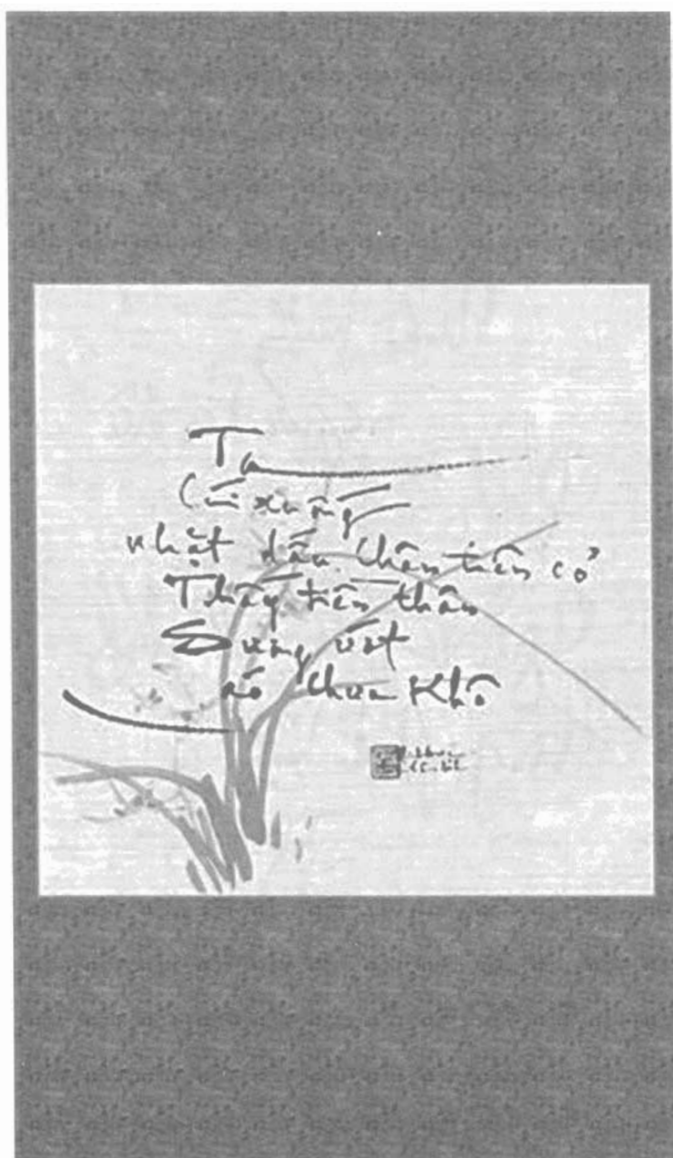
Tác phẩm của Trụ Vũ



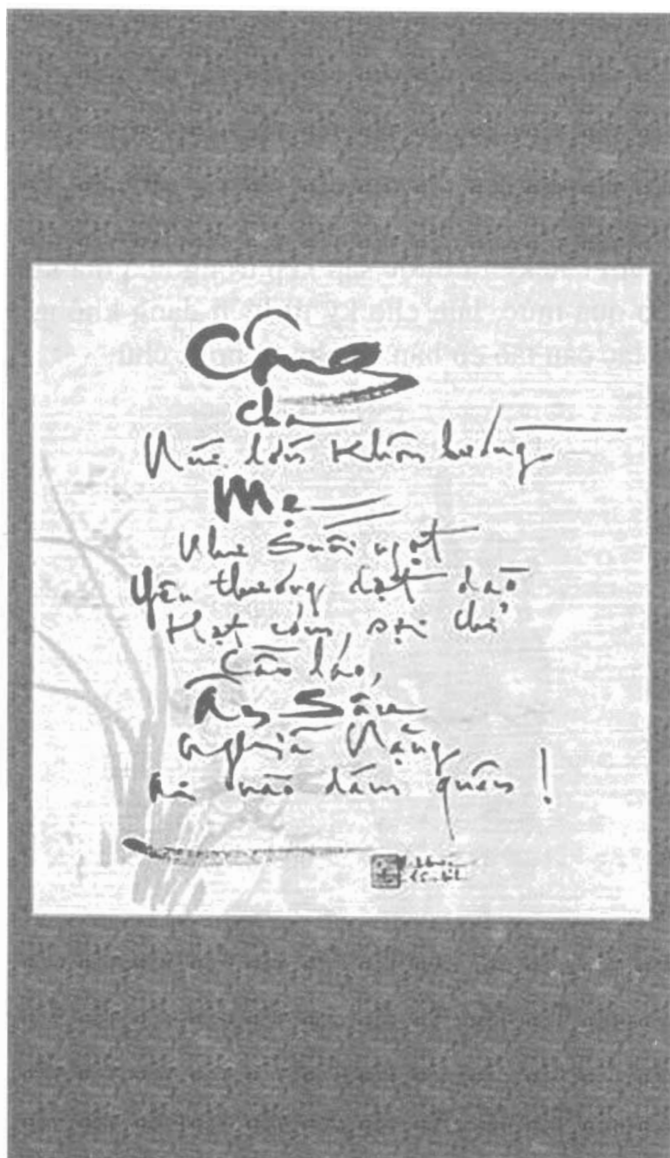
Tác phẩm của Trụ Vũ



Tác phẩm của Trụ Vũ



Tác phẩm của Minh Đức Triều Tâm Ảnh



Tác phẩm của Minh Đức Triều Tâm Ảnh

VI. THƯ THỂ PHỤ

1.Hoạ thể: (có thể xem là vẽ chữ) Là lối chữ viết có tính toán sắp xếp từng đường nét kết cấu, sao cho tổng thể chữ tạo nên những hình ảnh nhất định mang ý nghĩa bổ trợ cho nội dung tác phẩm gọi là hoạ thể, chữ hoạ thể gọi là hoạ tự. Đối với các ký tự được sắp xếp trong họa thể không nên sáng tạo quá mức, làm cho ký tự biến dạng không còn giữ nguyên tắc cấu tạo cơ bản của ký tự hoặc chữ.



Chữ "Ngộ" của Đăng Học



Chữ "Mẹ" của Chính Văn



Chữ "Ngộ" của Tuấn Hải



Chữ "Cội nguồn" của Tuấn Hải

Chữ "Tý" của Hiếu Tín

2. Thư họa: Nếu tác phẩm thư pháp có vẽ thêm tranh trang trí hoặc minh họa thêm cho tác phẩm. Hoặc chữ thư pháp có vẽ hình ảnh đính kèm ngay vào chữ thành một thể thống nhất bổ trợ cho nhau gọi là thư họa.





Tác phẩm của Đăng Học



Tác phẩm của Đăng Học

Thập Nhị Phúc Tinh

Tháng Giêng Xuân đáo bình an
Tháng Hai hạnh phúc an khang cửa nhà
Tháng Ba phúc đức quanh ta
Tháng Tư Hạ đến vinh hoa ngát trời
Tháng Năm hoan hỷ rạng ngời
Tháng Sáu ân ái khắp nơi chan hòa
Tháng Bảy Thu đến hoan ca
Tháng Tám phú quý bạn ta rủ về
Tháng Chín tài lộc hả hê
Tháng Mười Đông đến bốn bề hiển vinh
Mười một đượm nghĩa đượm tình
Mười hai trọn cả gia đình yên vui.



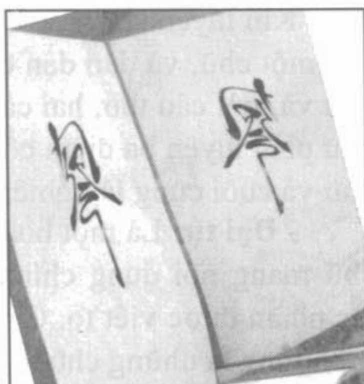
Tác phẩm của Đăng Học

3. Thể Long Phụng: Còn gọi là chữ "Rong" hay "Nghệ thuật bút lược", công cụ để thể hiện là dùng một miếng gỗ dẹp đầu (thường là gỗ Lồng Mức có độ thấm mực cao), có những đường rãnh để thể hiện những nét chữ có kèm những hình ảnh sinh động như: Rồng, Phụng, chim, cá hoặc ba ông Phúc, Lộc, Thọ…Lối chơi chữ này có từ rất lâu và phổ biến của các ông đồ ngày xưa. Ngày nay ở các nước phương Tây hoặc các nước châu Mỹ Latinh ta thấy lối viết này khá phổ biến tại các địa điểm du lịch. Điều khác biệt là ngoài sử dụng mực Tàu người ta còn dùng mực với nhiều màu sắc xanh, vàng, đỏ…rất bắt mắt.



Tác phẩm của Văn Tiên

4. Thể Âm Dương: Là lối viết chữ ngược mô phỏng theo chữ Hán. Muốn đọc thể chữ này thì người xem phải am hiểu và tự đọc ngược trong đầu, nếu không thì có thể lật ngược tờ giấy để theo chiều ngang, và nhìn ngược lại từ đằng sau, còn cách khác có thể đọc được thể chữ này là nhìn ảnh phản chiếu của chữ qua một tấm gương. Lối viết này được hình thành từ một thú chơi chữ trong các đội nhóm, hướng đạo…sử dụng như một dạng mật thư. Về sau thấy truyền bá trong giới học sinh sinh viên. Ban đầu lối này chỉ được viết bằng bút bi nhưng về sau có người nghiên cứu dùng bút lông và mực xạ, đồng thời sử dụng các kỹ thuật của thư pháp Trung Hoa để thể hiện như một tác phẩm thư pháp thực thụ.



Chữ được đọc qua ảng phản chiếu của gương





B. CHƯƠNG PHÁP

Là bố cục sắp xếp chữ với chữ, hàng với hàng sao cho trên dưới thích ứng, phải và trái có sự tương hỗ liên kết toàn bô nội dung hợp thành một thể thống nhất. Từ việc thực hiện một tác phẩm có kích thước to, chép một câu thơ lên bức tranh hoặc ký tên đóng dấu đều phải nghiên cứu và ứng dụng chương pháp.

Chương pháp, hay bố cục là yếu tố đầu tiên mà người thưởng lãm cảm nhận được. Một bố cục đẹp, ấn tượng sẽ gây sự chú ý và thu hút người xem. Còn ngược lại, một bố cục rời rạc, chữ viết đều đều thiếu điểm nhấn sẽ tạo sự nhàm chán, thậm chí người xem không thiết đọc đến nội dung.

Khi luyện chữ, các bạn đã làm quen với bố cục kết cấu của một chữ, và dần dần chúng ta làm quen với hai chữ, ba chữ và một câu thơ, hai câu thơ, một bài văn...Người luyện chữ phải luyện ba điểm cốt yếu đó là rèn chữ, sau là kết cấu chữ và cuối cùng là nghiên cứu về chương pháp.

- **Đại tự:** Là một hoặc vài chữ mang nội dung chính của tác phẩm được viết to. Chữ đại tự thường là những chữ mang ý nghĩa tốt đẹp như: Phúc, Lộc, Thọ, Tâm, Nhẫn...Khi viết một bài thơ hoặc đoạn văn, chữ đại tự thường là tiêu đề hoặc một chữ mang ý nghĩa chính mà bài thơ hay đoạn văn đề cập.





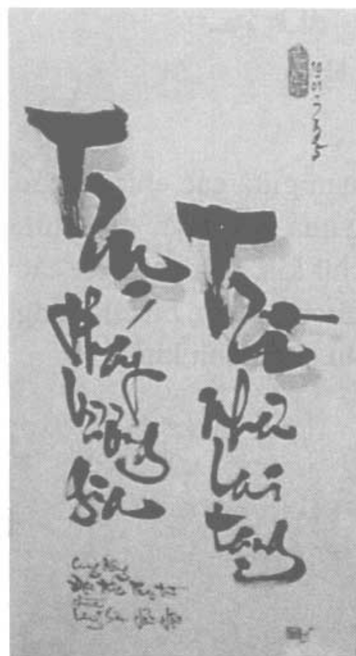


Một bố cục đẹp là sự tương quan giữa các chữ và các hàng với nhau phân bổ hợp lý, không quá thưa hoặc quá khít. Chữ này tương quan và hỗ trợ cho chữ kia, hạn chế viết các nét đè chồng lên nhau gây rối cho chương pháp, bố cục tổng thể của các chữ phải liên kết với nhau tạo thành khối.

I. CÁC HÌNH THỨC CHƯƠNG PHÁP THƯỜNG GẶP :

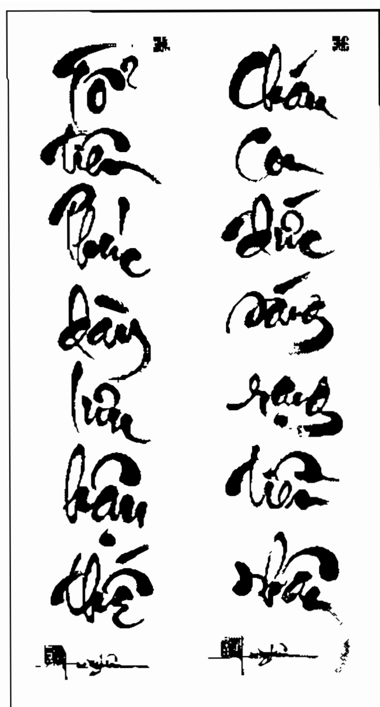


1. Dọc ngang đều đặn: Là hình thức sắp xếp chữ theo hình ô lưới ngang dọc đều nhau chỉnh tề. Được ứng dụng để viết điền thể, thường thể hiện các nội dung mang ý nghĩa trang trọng nghiêm cẩn như văn bia, kinh phật…



2. Chỉ có hàng dọc không có hàng ngang: Là hình thức các chữ được sắp xếp theo một hàng dọc từ trên xuống, chỉ canh ngay ngắn theo chiều dọc, chiều ngang dài ngắn tuỳ theo chiều dài của chữ. Dạng chương pháp này ứng dụng nhiều cho thuỷ thể.

3. Dạng Đối: Là dạng hai tác phẩm mang nội dung câu đối viết song song trong cùng một tấm hoặc hai tấm tranh riêng biệt. Viết theo chiều dọc từ trên xuống cân bằng đối xứng nhau cả chiều dọc lẫn chiều ngang về bố cục, kích thước và khoảng cách các chữ. Nếu câu đối được thể hiện bằng thuỷ thể thì chỉ cân bằng chiều dọc không cân bằng chiều ngang.



4. Hoành Phi: Là tấm tranh hình chữ nhật được treo ngang nội dung thể hiện là một vài chữ đại tự.



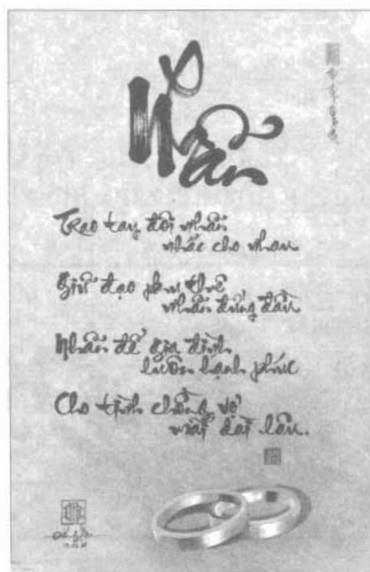
5. Đẩu Phương:

Là tác phẩm có dạng hình vuông



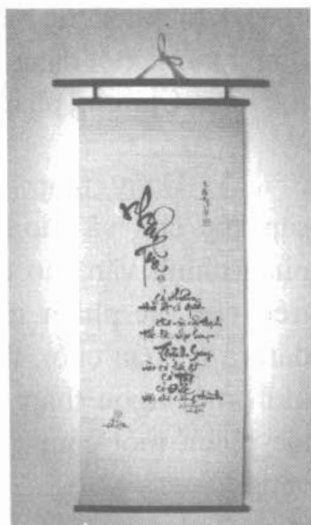


6. Trung Đường: Là một tác phẩm hình chữ nhật được treo dọc, nội dung thể hiện một vài chữ đại tự.



7. Trục: Là một tác phẩm hình chữ nhật được treo dọc, nội dung thể hiện một hoặc vài chữ đại tự và có một bài văn đoạn thơ viết kèm hoặc đề khoản, tạo nên một bố cục có chính phụ.

8. Liễn: Là một tác phẩm thể hiện trên chất liệu giấy hoặc lụa hay mành tre mà có hai đầu cây có thể cuộn lại được.



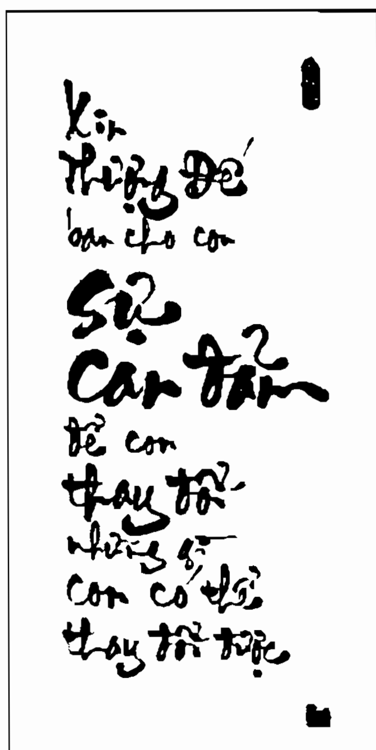
II CHƯƠNG PHÁP PHẦN CHÍNH VĂN

Một số nguyên tắc cơ bản khi thể hiện phần chính văn (nội dung chính của tác phẩm)

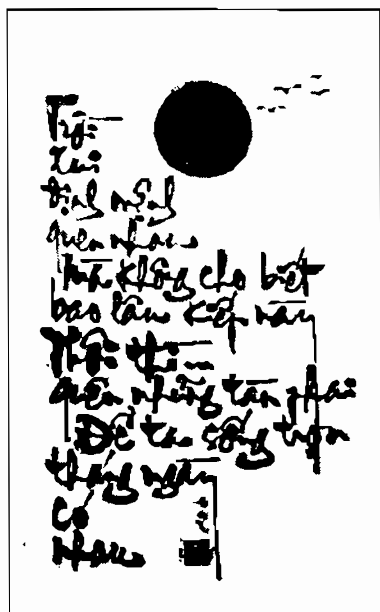
Trong một câu thơ hoặc đoạn văn, chữ đầu tiên phải được viết hoa và nhấn mạnh, chú ý chữ đầu tiên trong tác phẩm sẽ ảnh hưởng đến kích thước và độ dày mỏng to nhỏ của các chữ còn lại. Đối với một đoạn văn thơ ngắn có thể bỏ bớt phần chấm phẩy ngắt câu. Cách xuống hàng, chia chữ đã là một hình thức ngắt câu phân bổ nhịp điệu đọc cho người xem. Những dấu câu thể hiện cảm xúc hoặc để nhấn mạnh ý của phần chính văn thì vẫn giữ. Riêng cuối tác phẩm thì phải dùng dấu câu. Phần chính văn phải được thể hiện gọn gàng, không viết tràn lan chiếm hết diện tích tác phẩm, phải chừa những khoảng trống xung quanh cho tác phẩm.

Những chữ chính mang ý nghĩa bao quát nội dung phần chính văn nên được nhấn mạnh, vừa thể hiện rõ nội dung vừa tạo sự lôi cuốn và thể hiện tính mỹ thuật cao cho tác phẩm. Một nét chữ thường nếu được viết to và đậm thì cũng xem như là một chữ viết hoa.

Khi muốn thể hiện phần chính văn cho một tác phẩm, ta định hướng một dạng chương pháp và theo nguyên tắc đó mà thể hiện. Chương pháp cho phần chính văn có các dạng sau:



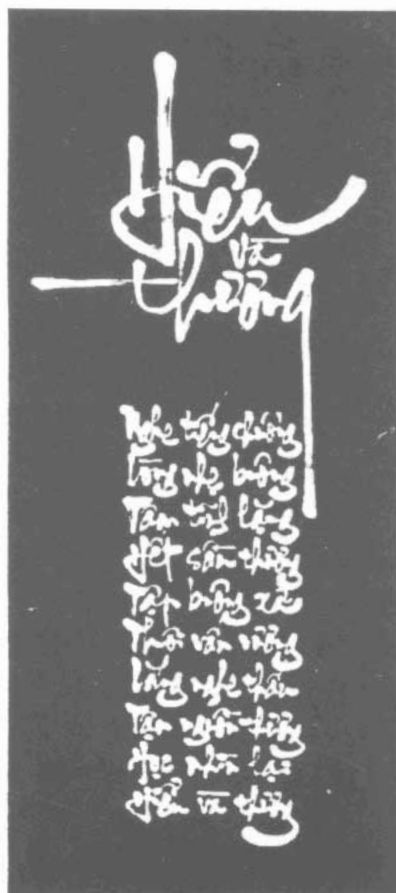
1. Dạng tháp: Là cách sắp xếp chữ và các hàng của phần chính văn sao cho phần trên của tác phẩm nhỏ và to dần ra ở phần cuối, theo dạng hình một ngọn tháp. Tạo cho tác phẩm một cảm giác vững vàng.



2. Dạng giáo: Là cách sắp xếp chữ và hàng của phần chính văn sao cho phần khởi đầu của tác phẩm nhỏ và to dần ra ở phần lưng, phần cuối cùng nhỏ lại theo trông như phần đầu của một ngọn giáo.

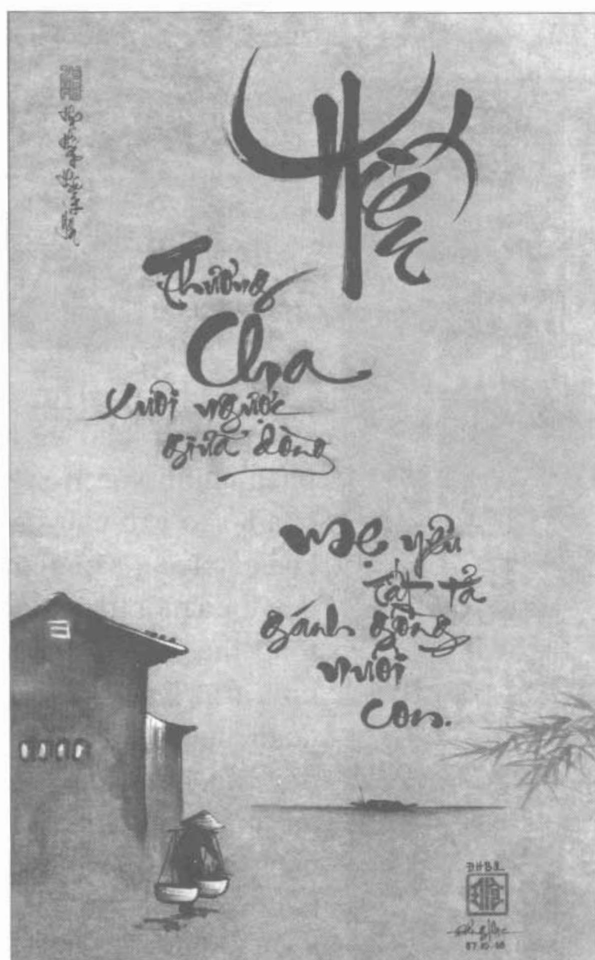
3. Dạng Lượn: là cách sắp xếp chữ và hàng của tác phẩm sao cho chữ đầu tiên của mỗi hàng liên kết liên tục với nhau, khi lõm vào khi nhô ra trông như một con sông đang uốn lượn.





4. Dạng Trụ: Là cách sắp xếp các chữ và hàng của phần chính văn trong một tác phẩm sao cho chữ ngoài cùng của các hàng sắp xếp ra và vô đều theo một hàng dọc, bố cục tổng thể trông như một khối hình trụ. Dạng này thích hợp để thể hiện một đoạn văn hoặc một bài thơ dài.Có tác phẩm tác giả thể hiện các chữ đầu hàng và cuối hàng đều nhau tạo thành một bố cục dạng trụ hoàn chỉnh.

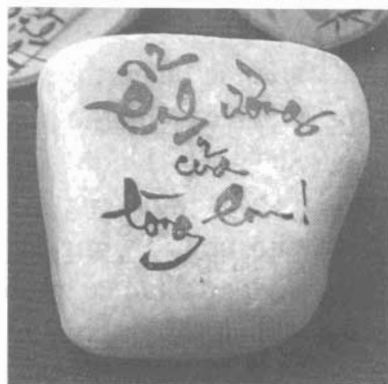
<u>5. Dạng cụm:</u> Là cách sắp xếp các chữ và hàng của phần chính văn trong một tác phẩm chia ra thành từng cụm nhỏ, theo từng câu, từng khổ thơ, hoặc từng ý. Có khi nhà thư pháp thể hiện các cụm đều nhau từ trên xuống, có khi các cụm được viết so le với nhau.

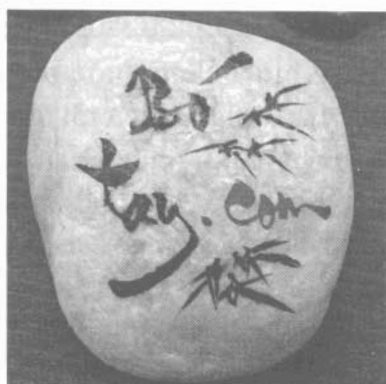


C. CHỌN NỘI DUNG VÀ CÁCH NGẮT CÂU CHO TÁC PHẨM

1. Chọn nội dung cho tác phẩm:

Không phải vô cớ mà nhân gian cho rằng "Nhất chữ, nhì tranh, tam sành, tứ kiểng". Ngọai trừ giá trị thẩm mỹ, giá trị nghệ thuật, công phu luyện tập…Thư pháp còn có một chức năng rất đặc biệt đó là truyền tải đến người xem những thông tin, những tư tưởng mang tính giáo dục, chia sẻ, định hướng, gợi mở…Thông qua những câu văn, câu thơ, lời nhạc…Vì thế khi ta chọn nội dung để thể hiện thành tác phẩm đó là một bước rất quan trọng. Nên chăng một tác phẩm thư pháp lại thể hiện những nội dung vô vị, vô nghĩa và theo trào lưu thị hiếu của giới trẻ như: "ểnh ương của lòng em", "mượn xe nhớ đổ xăng"…Thật đau lòng khi thấy những câu này được viết bằng nét chữ thư pháp và bán dưới nhiều hình thức, chưa kể đến những nội dung mang tính chất bạo động, bế tắc, bi quan…Vậy còn đâu là giá trị của một tác phẩm thư pháp?





Khi chọn một tác phẩm để viết chẳng những chúng ta phải hiểu mà còn phải cảm nhận được chiều sâu ý nghĩa của nội dung muốn gửi gắm, khi đó ta mới thể hiện được tác phẩm một cách trọn vẹn bằng đường nét. Điều này đòi hỏi chúng ta phải có một số kiến thức nhất định về văn hóa, thơ, văn, vốn sống, thậm chí đến tư tưởng triết học…

Trong một số các cuộc triển lãm lớn hiện nay, đâu đó chúng tôi vẫn thường thấy một vài tác phẩm viết sai chính tả, ngữ pháp, thậm chí sai cả về ý nghĩa của nội dung tác phẩm. Chưa kể đến việc tác giả tấm thư pháp tự ý sửa nội dung câu văn hoặc thơ theo ý riêng của mình, còn có trường hợp lấy "râu ông này cắm cằn bà kia", điều này rất tai hại vì vô tình những dị bản ấy có thể được lưu truyền. Chúng ta nên thể hiện sự trân trọng của tác giả nội dung mà chúng ta chọn bằng cách viết tên của họ dưới phần chính văn. Trường hợp chúng ta không biết tên tác giả là ai thì ta có thể để hai chữ "sưu tầm" ngay sau phần chính văn để tránh trường hợp người xem tưởng tác giả bức thư pháp cũng đồng thời là tác giả của phần chính văn.

2. Cách ngắt câu cho tác phẩm:

Khi đã chọn được nội dung để viết tác phẩm thì phần ngắt câu khi thể hiện rất quan trọng. Một tác phẩm thư pháp có thể lược bớt những dấu "chấm" hoặc "phẩy" khi đó phần xuống hàng là một hình thức ngắt câu cho người xem, giúp người xem dễ dàng cảm nhận tác phẩm hơn. Trường hợp ngắt câu sai , lời văn sẽ lủng cũng dễ gây ngộ nhận và người xem có thể hiểu sang một ý khác hoặc hiểu sai ý nghĩa của tác phẩm.

VD1: Không tôi/ là kẻ/ phàm phu

Cái tôi/ lớn quá/ làm ngu/ muội mình.

Nếu ngắt câu khác thì sẽ mang một ý nghĩa khác.

Không/ tôi là kẻ/ phàm phu

Cái tôi/ lớn quá/ làm ngu/ muội mình.

VD2: Ở đây/ sương khói/ mờ nhân ảnh

Ai biết/ tình ai/ có đậm đà.

Nếu ngắt câu sai thì câu thơ sẽ lủng cũng.

Ở đây sương/ khói mờ/ nhân ảnh

Ai biết tình/ ai có/ đậm đà.

Cùng một nội dung cũng có thể có nhiều cách ngắt câu hay xuống hàng. Những chữ mang ý chính thường được viết to và đậm hơn những chữ còn lại. Những cụm từ quan trọng cũng có thể được nhấn mạnh và xuống hàng từng chữ để rõ ý hơn cho tác phẩm.

VD: Thiện căn/ ở tại/ lòng ta

Chữ tâm/ kia mới/ bằng ba/ chữ tài.

Cách viết khác.

Thiện/ căn/ ở tại/ lòng ta

Chữ/ TÂM/ kia mới/ bằng ba/ chữ/ TÀI.

D. ĐỀ KHOẢN

Một bức thư pháp được xem là hoàn chỉnh phải hội đủ các yếu tố: Chính Văn (Phần chính của nội dung tác phẩm), đề khoản và ấn chương. Những chữ ngoài phần chính văn gọi chung là "Khoản" đề khoản còn gọi là "Lạc Khoản". Đề khoản chiếm một vị trí tương đối quan trọng trong một tác phẩm thư pháp. Nếu như phần chính văn được thể hiện tốt mà phần đề khoản lạc lỏng rời rạc, hoặc nằm vào vị trí phá hư chương pháp tổng thể coi như tác phẩm thất bại.

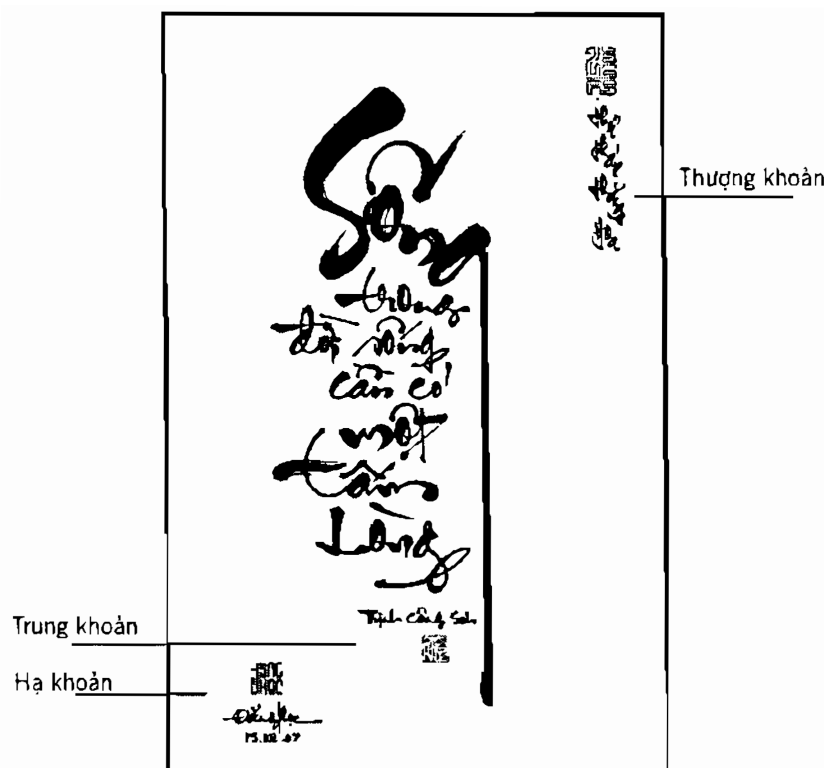
Nội dung đề khoản: Khoản là nội dung cần phải có để người xem hiểu rõ ràng về tác phẩm cũng như xuất xứ và ai là tác giả...Đề khoản phải giản dị, nội dung súc tích.

Đối với thư pháp Việt đề khoản được chia ra làm ba loại, thượng khoản, trung khoản và hạ khoản.

1. Thượng khoản: Dành ghi những tiêu chí của tác giả, hội nhóm tác giả tham gia hoặc lời đề tặng, tên người tặng và tên người nhận, cũng như lời chúc, lời nhắn gửi...

2. Trung Khoản: Dành ghi xuất sứ của chính văn, tên tác giả hoặc tự hiệu của tác giả đặt ra phần chính văn đó. Nếu không rõ tác giả thì đề vào là sưu tầm. Có trường hợp tên tác giả phần chính văn chừa trống để có thể điền vào sau thì ngay phần hạ khoản nơi tác giả thư pháp ký tên phải ghi thêm hai chữ thủ bút. Trung khoản được viết ngay dưới phần chính văn

3. Hạ khoản: Là phần ghi thời gian và địa điểm, họ tên, tự hiệu, bút danh của người viết thư pháp



* Chữ đề khỏan phải nhỏ hơn phần chính văn, thể chữ để viết đề khỏan có thể trùng với thể chữ của phần chính văn, hoặc có thể dùng các thể chữ khác như: Thủy thể, mộc thể, phong thể và biến thể.

E. ẤN CHƯƠNG

Là điểm son nổi bật trên nền bức thư pháp, điểm xuyết thêm duyên cho tác phẩm. Ấn chương đặt đúng vị trí sẽ tôn thêm giá trị cho tác phẩm, ngược lại sẽ làm hỏng nó. Thiếu đi màu son của ấn chương tác phẩm sẽ trở nên kém sinh động và hài hòa. Người xưa ví như "Hoạ long điểm tinh" (vẽ rồng thêm mắt).

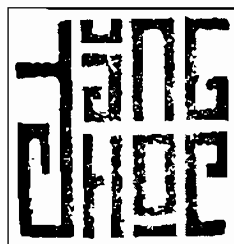
Mỗi người có thể có một hoặc nhiều ấn chương. Mỗi ấn chương mang một nội dung, sắc thái, ý nghĩa và công dụng khác nhau như ký tên, tự, hiệu của tác giả nhằm mục đích chứng minh sở hữu, hoặc ghi chép những câu thơ, danh ngôn mà tác giả tâm đắc.

Con triện được tìm thấy sớm nhất ở Trung Hoa là 2000-3000 năm trước công nguyên. Các chất liệu để làm triện rất đa dạng và phong phú và đa dạng như gỗ, đá thiên nhiên, đá nhân tạo, đồng, vàng, cẩm thạch hoặc ngà voi, đá quý…Chất liệu tốt nhất để làm triện là đá. Có nhiều loại đá nổi tiếng của Trung Quốc từ ngàn xưa đến nay như đá Thanh Điền, đá Xương Hoa ở tỉnh Chiết Giang, đá Thọ Sơn ở tỉnh Phúc Kiến Trung Quốc…Đặc điểm của triện đá là tạo ra những đường nét đặc trưng mềm mại, đôi khi người ta còn làm mẻ hoặc trầy sướt bề mặt triện để tạo đặc điểm rêng. Ngày nay có nhiều loại triện làm bằng nhựa rất tiện dụng và rẻ tiền. Con triện có thể mang ý nghĩa thể hiện quyền lực và sức mạnh của chủ nhân sở hữu nó, còn có thể mang ý nghĩa nhận dạng và sở hữu.

1. Nguyên tắc khắc ấn triện là khắc chìm hay khắc nổi.



a. Khắc chìm: Ấn chương khi in ra có nét chữ màu trắng trên nền. đỏ thì gọi là Bạch Văn hay Âm Văn



b. Khắc nổi: Ấn chương khi in ra có nét chữ màu đỏ trên nền trắng thì gọi là Chu Văn hay Dương văn.



* Có người chia phần mặt ấn ra làm hai phần, một phần khắc nổi và phần còn lại khắc chìm.

2. Các lọai ấn chương: Có 3 loại ấn chương chính: Nhàn Chương, Yêu chương và Danh chương.

a. Nhàn chương: Được đóng phía trên cùng của tác phẩm. Nội dung của nhàn chương thường khắc những câu văn thơ, thành ngữ, phương châm, tên hội nhóm hoặc hình ảnh, ký hiệu riêng…

b. Yêu chương: được đóng ở phần lưng (chính giữa tác phẩm sau phần chính văn) Điểm xuyết cho tác phẩm khỏi trống trải. Yêu chương phải nhỏ hơn nhàn chương và danh chương.

c. Danh chương: Được đóng phía dưới cùng của tác phẩm, nội dung thường khắc tên, tự hiệu, bút danh của tác giả bức thư pháp…







PHẦN IV

A. CẢM NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC PHẨM

Làm sao có thể hiểu được một nhà thư pháp và phong cách của họ nếu không bắt đầu từ những tác phẩm. Có người cho rằng việc cảm thụ từng tác phẩm chỉ là chuyện nhỏ nhặt, không đáng bàn. Họ quên rằng lắm người dọc ngang trong lý thuyết về thư pháp nhưng đã ngã ngựa khi nhìn vào một tác phẩm.

Tôi nghĩ một người biết xem thư pháp phải là người am tường về lý thuyết và có công phu luyện tập đã đành. Quan trọng hơn là họ phải có đôi mắt xanh, tấm lòng rộng mở, không cố chấp thì may ra mới hiểu được một người và những ý tứ mà người đó muốn gửi gắm qua tác phẩm. Phải là một Chung Tử Kỳ thì mới hiểu được tiếng lòng của Bá Nha...

Khi thưởng thức một tác phẩm thư pháp chúng ta để ý đến bốn điểm sau: ***THẦN, Ý, TRÍ, KHÍ.***

"**Thần**" thuộc về cảm giác về ấn tượng thu hút khi xem một tác phẩm. Tác giả không thể tập bao lâu hay cầm viết bao lâu để có thể tạo ra một nét chữ có thần (hồn). Điều này phụ thuộc vào trạng thái, mức độ tập trung và sự thăng hoa của tác giả khi sáng tác. Nhìn vào nét chữ ta có thể cảm nhận được tâm tư tình cảm và tính cách của tác giả khi thực hiện tác phẩm. Có thể xem một tác phẩm thư pháp như là một bản sơ yếu lý lịch mà ta có thể cảm nhận được. Để tạo

ra một tác phẩm có hồn không phải là đơn giản. Có người cả đời chỉ là thợ viết chữ, vì chỉ chú trọng đến đường nét và hình thức bên ngòai của chữ, có người một lúc có thể viết được nhiều tác phẩm nhưng sau đó thì không.

"**Ý**" là ta xem nội dung để cảm nhận được cái ý tác giả muốn thể hiện là gì, hời hợt hoặc có chiều sâu...Từng đường nét, màu sắc, trang trí, hình ảnh minh hoạ...Đôi khi một tác phẩm thể hiện có một ẩn ý nào đó thâm sâu của tác giả, mà ta cận cảm nhận bằng kinh nghiệm, sự hiểu biết cũng như một chút trí tưởng tượng và sự đồng cảm mới có thể hiểu được.

"**Trí**" là phần kỹ thuật, sự sắp xếp thông minh khéo léo của tác giả làm cho tác phẩm bắt mắt, bố cục, trang trí màu sắc hài hoà tương ứng, đề khoản và ấn chương có hợp lý, phần chính văn có ấn tượng hay không...?

"**Khí**" thuộc về kỹ năng vận bút, bút lực có mạnh mẽ vững vàng? Các thể chữ có tương xứng, đường nét bay bổng mềm mại hoặc cương kiện hào hùng khí khái?

Các điểm ấy xin được thâu tóm qua bài thơ

"***Thần thoát toả trong từng nét bút***
Ý vút cao vi diệu vô cùng
Trí tinh tường sáng bừng trang chữ
Khí hào hùng sấm động âm vang".

Đăng Học







B. VIỆT THƯ TÂM PHÁP

"Lắng im mọi tạp niệm
Buông bỏ những ưu tư
Hoà mình cùng ngọn bút
Cảm hứng thảo nét thư"

Đăng Học



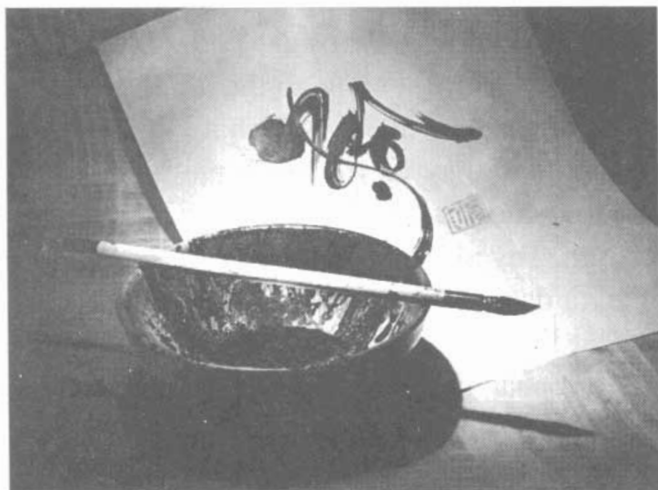
Đây là một bài thơ nhỏ thâu tóm những kinh nghiệm và những điều cần chú ý khi sáng tác.

- Lắng im mọi tạp niệm: Ý nhắc cho chúng ta khi viết phải tập trung tư tưởng, không để những yếu tố xung quanh như không gian, thời gian, địa điểm hoặc những người gần bên cũng như những sự việc xung quanh tạo cho ta những suy nghĩ vẩn vơ, những tạp niệm không cần thiết cản trở sự tập trung của ta vào tác phẩm.

- Buông bỏ những ưu tư: Nhắc cho chúng ta khi viết phải gạt bỏ đi những cảm xúc buồn vui, hờn giận hay đau khổ... làm vướng bận tâm ta. Làm cho ta không thể nhiếp tâm và phải đạt đến cảnh giới thân tâm an lạc thì mới sáng tác được.

- Hoà mình cùng ngọn bút: Điều này thuộc về kỹ thuật, khi sáng tác ta có thể hoà mình cùng ngọn bút, có nghĩa là ta có thể điều khiển ngọn bút theo ý, đòi hỏi ta phải có một kỹ thuật vững vàng, sự khổ luyện công phu để người và bút mới có thể là một (tâm bút hợp nhất).

- Cảm hứng thảo nét thư: Viết thư pháp cũng là một công việc sáng tạo nghệ thuật. Trong nghệ thuật đòi hỏi sự thăng hoa và cảm hứng. Đây là một yếu tố rất quan trọng, nếu đạt được ba yếu tố trên cộng thêm phút xuất thần thì chắc chắn ta có thể sáng tác được những tác phẩm thư pháp tuyệt vời.



THAY LỜI BẠT

Sau cái thuở ban đầu nhá nhem từ Cụ Đông Hồ Lâm Tấn Phác, người ta bắt đầu biết đến cái tên "Thư pháp Việt", một loại hình nghệ thuật dùng bút lông mực Tàu thể hiện chữ Quốc ngữ.

Theo dòng chảy thời gian, loại hình nghệ thuật này đã không ngừng phát triển, và tất nhiên theo lẽ tự nhiên, đằng sau nó lời khen cũng lắm, mà tiếng chê cũng chẳng vừa. Góp nhặt những lời khen và tiếng chê ấy, bản thân tôi nhận ra được hai vấn đề có cùng một nguyên nhân.

Thứ nhất, nhóm người cổ suý cho dòng nghệ thuật "non trẻ" này (tôi dùng chữ "non trẻ" trong tương quan so sánh với thư pháp Hán) phần lớn là các bạn trẻ. Với lòng tự hào dân tộc, các bạn muốn thoát ly sự thống trị của dòng văn hoá Hán tìm một hướng đi riêng mang đậm bản sắc văn hoá của một dân tộc Rồng Tiên. Với sức trẻ tràn đầy nhựa sống cùng với một hoài bão lớn, trong một chừng mực nào đó các bạn đã làm nên những giá trị nhất định. Một minh chứng cụ thể cho điều này mà ai cũng có thể nhận thấy được đó là nét chữ sơ khai giản dị mang tính chất khơi nguồn của Cụ Đông Hồ ngày xưa nay đã trở thành những nét bút có hồn như phụng múa rồng bay, khẳng định sự kế thừa đã trở thành dòng chảy lớn. Tuy nhiên, hạn chế của các bạn trẻ là hầu hết các bạn đều từ đam mê đi đến thực tiễn chứ chưa qua nghiên cứu sâu, nhất là sự nghiên cứu cần có với dòng nghệ thuật đàn anh – "thư pháp Hán", có lẽ trong số các bạn trẻ đam mê thư pháp, người có khả năng đọc, viết thành thạo chữ Hán để nghiên cứu một cách chính xác các thư tịch về thư pháp Hán

chỉ đếm được trên đầu ngón tay ! Đa phần chỉ tìm hiểu qua các dịch phẩm từ tiếng Hán sang tiếng Việt, hoặc tiếng Anh. Người biết thư pháp không thể đọc tư liệu Hán, người dịch tư liệu Hán chưa chắc đã biết viết thư pháp, trong sở trường có sở đoản, tạo nên sự khập khiễng cho nguồn tư liệu. Bởi lẽ, theo Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập, một trong tứ đại dịch giả của Trung Hoa xưa đã từng nhận định "đọc văn dịch cũng giống như ăn thức ăn đã được kẻ khác nhai sẵn mớm cho, và tất nhiên nó sẽ mất đi phần nào ý vị", văn dịch hay mấy vẫn đã là khập khiễng huống hồ gì người dịch lại hoàn toàn xa lạ với những điều mình dịch!

Thế nên khi gặp phải lời nhạo báng "làm gì có thư pháp Việt", các bạn rất tổn thương, nhưng không đủ luận cứ để thuyết phục. Ví như trong thư pháp Việt, tôi vẫn nghe có người phê phán nhau là chữ viết bị lai người này hay người khác, không có phong cách riêng. Thưa với bạn, tôi đánh giá thấp lời nhận định ấy, bởi lẽ, trò viết giống thầy, đồng môn viết giống đồng môn, nhiều người viết giống nhau mới tạo nên trường phái, trường phái định hình rồi mới có những phong cách riêng, khi cái riêng ấy vượt qua sự cho phép sẽ tạo ra một trường phái mới. Thế thì việc viết giống nhau thiết nghĩ chẳng có gì để phê phán ! Vậy mà nó vẫn nghiễm nhiên tồn tại trong giới chơi thư pháp Việt với nhau, thế thì làm sao các bạn đủ lập luận để thuyết phục những người bất đồng chính kiến với thư pháp Việt ?!

Vấn đề thứ hai, nhóm người phản đối "thư pháp Việt". Các vị phản đối thư pháp Việt phần lớn là lớp người lớn tuổi. Sống trong thời đại mới, nhưng trong lòng vẫn ấp ôm một

nỗi niềm hoài cổ đi sâu vào trong tiềm thức mà có thể ngay cả bản thân họ cũng không hay biết. Hơn nữa, sự phủ nhận của các vị ấy luôn luôn thấp thoáng sự so sánh với dòng thư pháp Hán, đó là một điều hiển nhiên mà theo thiển ý tôi khó ai phủ nhận được. Với họ thư pháp Hán cùng lịch sử lâu dài đã được hoàn thiện và nâng lên thành nghệ thuật với một vẻ đẹp hết sức hoàn mỹ. Do vậy khi nghe 3 từ "thư pháp Việt", như một phản xạ tự nhiên, trong họ nổi lên lớp lớp nghi vấn "thế nào là thư pháp Việt?", "chữ tượng hình thì có thư pháp, chữ Quốc ngữ làm sao có thư pháp được"..., trong hoàn cảnh đó thay vì họ nhận được những câu trả lời sau những công trình nghiên cứu thật thuyết phục của các "nhà thư pháp Việt" thì ngược lại, sự thật không đúng như vậy trước mắt họ "các nhà thư pháp Việt" đua nhau tràn xuống đường "bán" chữ nhốn nháo "cò kè bớt một thêm hai", tránh sao khỏi họ ồ lên một tiếng "thư pháp Việt là cần câu cơm" !!! Và rồi hiện tượng được quy nạp thành bản chất, thư pháp Việt ngày càng trở nên "chướng tai gai mắt" với các vị ấy.

Và thưa bạn, như thế rõ ràng hai vấn đề vừa nêu tồn tại song song trên cùng một nguyên nhân, nguyên nhân ấy chính là thư pháp Việt dường như đang thiếu những công trình nghiên cứu để mang về những kết quả làm luận cứ nền tảng cho việc khẳng định sự tồn tại của dòng thư pháp Việt, thiếu lý luận căn bản – tổng hợp để làm kim chỉ nam cho người học thư pháp Việt, và thiếu lý luận làm cơ sở cho việc thẩm định đánh giá một tác phẩm thư pháp Việt. Theo tôi đó chính là yêu cầu cấp thiết của thư pháp Việt hiện nay.

Với cách nhìn và cách nghĩ của riêng cá nhân tôi, tôi đánh giá cao sự ra đời của cuốn sách "***Thư pháp Việt lý***

thuyết và thực hành" của tác giả trẻ Đăng Học. Sự đánh giá cao này không nên hiểu từ góc độ hoàn thiện về mặt nội dung của tác phẩm, mà nó là sự đánh giá cao về một hướng đi đúng đắn trong một thời điểm thích hợp giữa dòng chảy của thư pháp Việt. Bằng những kinh nghiệm mà bản thân thu hoạch được sau hơn mười năm cầm bút, tác giả đã tìm tòi thu thập từ thực tiễn để quy kết thành lý luận, đây chính là điểm thành công nhất của quyển sách.

Bản thân là một người đam mê thư pháp Hán, đã từng tham gia giảng dạy thư pháp Hán cho sinh viên tại Đại Học Quốc Gia Tp HCM, ban đầu tôi cũng đã rất "dị ứng" với thư pháp Việt, nhưng qua ngòi bút của tác giả Đăng Học, cùng một đêm trắng tranh luận cùng với tác giả, tôi đã thay đổi cách nhìn đối với thư pháp Việt và Đăng Học cũng có một cái nhìn mới về thư pháp Hán. Từ kinh nghiệm bản thân, tôi có có đủ niềm tin nói với bạn : hãy bình tâm đọc từng trang sách, ngẫm nghĩ thật sâu những điều tác giả trình bày bạn sẽ thấy được cái hay của tác giả nói riêng và thư pháp Việt nói chung.

Người xưa nói "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu", quyển sách sẽ là một vấn đề gợi mở cho những ai đang tha thiết, ấp ôm hoài bão chấn hưng thư pháp Việt; và là cánh cửa nhập môn, là đôi bàn tay dìu dắt những bước đi chập chững ban đầu cho những ai mới bước vào luyện tập thư pháp Việt.

Nghênh phong các, lập thu năm Mậu Tý 2008

Sơn dã cuồng nhân Lê Ngọc Đình

Cẩn bút

ĐÔI ĐIỀU CẢM NHẬN

Trong tình hình thư pháp Việt đang rất cần có một hệ thống lý luận hoàn chỉnh như hiện nay thì tôi nghĩ quyển sách "Lý luận thư pháp Việt" của Đăng Học ra đời là kịp thời, đúng lúc.

Quyển sách này giá trị của nó không phải nằm ở những trang lý luận dông dài, những khái niệm đôi lúc vượt quá phạm vi hiểu biết của người đọc. Giá trị của quyển sách, theo tôi, nằm ở tính thực tế của nó. Tác giả là một người từng trải trong lĩnh vực thư pháp Việt, đã có thành tựu và rất có tâm huyết với bộ môn nghệ thuật này. Tất cả những gì Anh viết ra không phải là những lý thuyết khô khan mà là bằng chính những kinh nghiệm Anh đã từng kinh qua. Tôi quý cái tình của Anh dành cho thư pháp Việt và cái tâm của Anh đã dồn hết sức cho quyển sách, nhằm gởi tới độc giả - những người yêu thư pháp – một sự chia sẻ kinh nghiệm rất chân tình.

Nếu bạn là người từng tham khảo nhiều sách viết về thư pháp Việt thì tôi tin bạn sẽ không khỏi trầm trồ, ngạc nhiên trước những kiến giải rất mới lạ của tác giả. Dù biết rằng những gì Anh viết ra còn phải chờ thời gian kiểm định lại. Nhưng, với một người trẻ tuổi như Anh, đây là một việc làm đáng được hoan nghênh, khích lệ. Anh và tôi có chung một quan điểm: Dám thử và dám sai còn ngàn lần tốt hơn những người sợ sai không dám thử. Thư pháp Việt hiện nay rất cần có những người trẻ "dám thử" và "biết thử" như Đăng Học thì mới mong có một sự khởi sắc. Cái gì cũng phải có

bước khởi đầu và những lấp vấp, lao chao là điều không thể tránh khỏi. Nhưng tôi tin vào câu nói của người xưa:

"Công phu không phụ lòng người" . ..

Cuối cùng, với tư cách là người quan tâm và ủng hộ thư pháp Việt, đồng thời cũng là một người bạn của tác giả, tôi xin có vài lời thưa với quý bạn đọc: Nếu bạn là người mới chập chững những bước đi đầu tiên vào tìm hiểu nghệ thuật thư pháp Việt thì tôi khuyên bạn nên chọn quyển sách này làm tài liệu tự học cho mình. Nếu bạn là một người đã có chút thành tựu trong lĩnh vực này, thì tôi khuyên bạn cũng nên xem qua sách để cùng tác giả chia sẻ những kiến thức, kinh nghiệm mà mình chưa có cơ duyên lĩnh hội được. Còn nếu bạn là người uyên thâm và có những hiểu biết sâu sắc về thư pháp Việt thì xin bạn hãy đọc quyển sách này với tư cách là một người bạn đường, một bậc tiền bối đi trước để giúp tác giả nhìn ra những khiếm khuyết cần phải sửa chữa và bổ sung cho quyển sách được hoàn chỉnh hơn.

Đầu Thu 2008.

Đức Sơn Thái Trọng kính bút.

PHỤ LỤC

ĐÔI NÉT VỀ CỤ ĐÔNG HỒ



- Đông Hồ tên thật là Lâm Tấn Phác

- Sinh ngày 16/02/1906 năm Bính Ngọ tại làng Mỹ Đức tỉnh Hà Tiên (Nay thuộc thị xã Hà Tiên tỉnh Kiên Giang)

- Vì mấy đời nhà ông sống ở ven Đông Hồ Ấn Nguyệt nên khi mới bắt đầu biết làm thơ ông đã chọn bút danh là Đông Hồ. Ngoài ra ông còn nhiều bút hiệu khác như Thuỷ Cổ Nguyệt, Đại Ẩn Nam và còn có tự là Trác Chi.

- 1926-1934 ông mở nhà nghĩa học bên bờ Đông Hồ lấy tên là Trí Đức Học Xá, tự mình làm trưởng giáo và chủ trương dạy toàn tiếng Việt. Bên cạnh việc dạy tại chỗ ông còn mở cả hệ hàm thụ để học sinh từ xa có thể học được tiếng Việt.

- Sau năm 1945 ông dời nhà lên Sài Gòn, ông vừa làm thơ, vừa viết văn và cộng tác với một số tờ báo như: Đông

Pháp, Thời Báo, Phụ Nữ Tân Văn, Việt Dân, Tự Do, Mai, Văn Học Tạp Chí, Khai Trí Tiến Đức Tập San, Tri Tân…

- 1964 ông được mời làm giảng viên cho đại học Văn Khoa Sài Gòn.

- Các tập sách đã xuất bản: Thơ Đông Hồ, Lời Hoa, Linh Phương, Cô Gái Xuân, Những lỗi thường lầm trong sự học Quốc văn, Hà Tiên Thập Cảnh, Trinh Trắng, Song Tinh, Bội Lan Hành, Văn Học Miền Nam, Văn Học Hà Tiên, Đăng Đàn, Chi Lan Đào Lý, Dào Lý Xuân Phong, Hà Tiên Mạc Thị Sử, Trác Chi Tùng Thi, Trác Chi Tùng Văn, Thiên Địa Gian, Ức Viên Thi Thoại…

- Đông Hồ, Mộng Tuyết là đôi vợ chồng tri âm tri kỷ. Ông và bà đã sống với nhau trọn vẹn cũng như cống hiến cả đời mình cho sự nghiệp văn học nước nhà. Ông và bà là linh hồn cho Tao Đàn Chiêu Anh Các nơi hội tụ những nhân tài thơ văn, tổ chức hàng năm tại Hà Tiên.

- Ông Đông Hồ mất ngay khi đang bình giảng cho các sinh viên nghe bài thơ "Trưng Nữ Vương" của nữ sĩ Ngân Giang đến đoạn kết:

"Ải Bắc quân thù kinh vó ngựa
Giáp vàng. khăn lạnh trở đầu voi
Chàng ơi, điện ngọc bơ vơ quá
Trăng chếch ngôi trời bóng lẻ loi…"

Vì quá xúc động, Đông Hồ đã bất tỉnh trong tay các học trò và qua đời lúc 19 giờ ngày 25.03.1969 nhằm năm Kỷ Dậu. Về việc này, nhà thơ Chiêu Dương đã viết bài cảm thương, trong đó có hai câu:

"Ai đem tang tóc vào thơ
Ngâm câu "Điện ngọc…", Đông Hồ ra đi".

Ai đó đã khóc ông bằng đôi câu đối:

"Sông Thái ôm trăng, Lý Bạch qui.
Trường văn nhả ngọc, Đông Hồ tịch".

Đông Hồ là một trong những vị tiền bối có công đầu khai phá cho bộ môn thư pháp Việt. Theo tôi được biết, nhà thư pháp Trụ Vũ trước đây ông học viết thư pháp Hán nhưng nhờ duyên may được gặp gỡ cụ Đông Hồ và đem lòng yêu mến nét chữ, muốn thể hiện cái hồn của thư pháp Hán bằng chữ Quốc ngữ nên sau nhiều năm mày mò Trụ Vũ đã trở thành một cái tên khá nổi tiếng trong làng thư pháp Việt. Ngoài ra ta còn ghi nhận được một vị khác tên là Tăng Hưng, ông là một nhiếp ảnh gia, tuy không phải là một tên tuổi lớn được biết đến trong bộ môn thư pháp Việt, nhưng ông là học trò ruột và được đích thân cụ Đông Hồ chỉ dạy cho cách viết thư pháp Việt, cho nên ông có một nét chữ hao hao giống cụ Đông Hồ. Tăng Hưng từng có nhiều cuộc triển lãm kết hợp giữa thư pháp Việt với những tác phẩm nhiếp ảnh do chính ông sáng tác. Gần đây là kiến trúc sư Nguyễn Thanh Sơn, do nhiều lần đến thăm và gặp gỡ nhà thư pháp Trụ Vũ, ông cũng đem lòng yêu mến đối với lối thư pháp đặc biệt này. Cũng từ nhà thư pháp Thanh Sơn mà phong trào thư pháp Việt trở nên phổ biến rộng rãi trong quần chúng mà ngày nay nhiều nhà thư pháp thế hệ sau ảnh hưởng không ít từ ông.

Tuy khi cụ Đông Hồ ra đi, ngoài những tác phẩm thư pháp mà ông để lại, có thể chưa hoàn chỉnh mỹ mãn về một



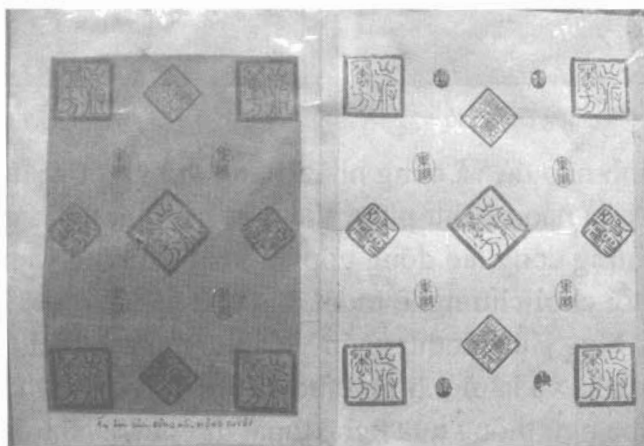

Mộ cụ ông Đông Hồ


Mộ cụ bà Mộng Tuyết

khía cạnh nào đó và cũng như không thấy một lý luận, một nghiên cứu nào về thư pháp Việt của cụ. Nhưng ta ghi nhận được những công lao đóng góp, một sự đam mê và hoài bão lớn về lối chơi chữ nghệ thuật đặc biệt này. Có thể khi sinh thời cụ Đông Hồ viết thư pháp Việt như một sở thích, một thú chơi tao nhã và là một hình thức để ông truyền bá thơ văn và chữ Quốc ngữ thông qua nghệ thuật thư pháp. Nhưng những viên gạch đầu tiên ông đặt cho chúng ta, vô hình chung đã

trở thành một bộ môn nghệ thuật được nhiều người yêu thích đến ngày hôm nay. Vốn có truyền thống "uống nước nhớ nguồn" nhiều người trong giới thư pháp đã cảm kích và xem ông như một vị "Tổ"của bộ môn để tôn thờ.

Tưởng nhớ đến công ơn của cụ, một số người chọn ngày sinh của ông là ngày 16/02 hàng năm làm ngày họp mặt tri ân đến cụ Đông Hồ. Ngày này cũng nhằm vào mùa xuân, mùa của những hoa mai hoa đào nở rộ phản phất bên những chiếc chiếu hoa của những ông đồ cho chữ. Nên chăng chúng ta chính thức công nhận một ngày giỗ "Tổ" để những người yêu thư pháp bốn phương tụ họp về một nơi, trước là để tưởng nhớ đến công lao của các bậc tiền nhân khai phá cho bộ môn thư pháp Việt, sau là để anh em trong giới có dịp gặp nhau sau một năm hoạt động và có thể gặp gỡ, giao lưu, chia sẻ cho nhau những buồn vui cũng như tìm ra một hướng đi tích cực hơn cho bộ mộn nghệ thuật thư pháp Việt?



Ấn chương của Đông Hồ và Mộng Tuyết

Tác phẩm của Đông Hồ

Mục Lục